

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

a) Tên gói thầu: Gói thầu 2: Sửa chữa lưới điện trung, hạ thế khu vực các huyện Tháp Mười, Thanh Bình và Tam Nông (năm 2026).

b) Quy mô gói thầu:

- Công trình 1:
 - + Sửa chữa lưới điện hạ thế 1 pha: 29.412 mét.
- Công trình 2:
 - + Sửa chữa lưới điện hạ thế 1 pha: 3.674 mét.
- Công trình 3:
 - + Sửa chữa lưới điện trung thế 3 pha: 10.158 mét.
- Công trình 4:
 - + Sửa chữa lưới điện trung thế 3 pha: 6.964 mét

c) Địa điểm xây dựng: Các xã Mỹ Quý, Tháp Mười, Thanh Mỹ, Đốc Binh Kiều, Bình Thành, Tân Thạnh, Thanh Bình, Tràm Chim, An Long, An Hoà, Phú Thọ tỉnh Đồng Tháp.

2. Thời hạn hoàn thành:

- Thời gian thực hiện gói thầu là 80 ngày tính từ ngày khởi công đến khi nghiệm thu hoàn thành gói thầu (bao gồm các công việc: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị; Lập hồ sơ hoàn công, hồ sơ quản lý chất lượng; Hoàn trả VTTB thu hồi, VTTB A cấp thừa; Tổ chức nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng gói thầu). Thời gian thực hiện gói thầu bao gồm ngày Thứ bảy, Chủ nhật, trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết.

- Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành nghĩa vụ bảo hành gói thầu (bao gồm các công việc: 125 ngày để chuẩn bị, thực hiện và quyết toán gói thầu + 18 tháng bảo hành).

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện:

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1			
3			
...			

1. Số lần cắt điện phục vụ thi công công trình:**1.1 Số lần cắt điện thi công:**

Stt	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
I	Sửa chữa lưới điện hạ thế khu vực huyện Tháp Mười (năm 2026)						
1	Hạng mục 1: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Mỹ Phú B9	- Cắt CB+FCO điện trạm Mỹ Phú B9	- Thay dây hạ thế: 1141m - Bỏ sung tiếp địa: 2 bộ - Thay hộp đômônô: 19 hộp - Sơn số trụ: 20 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
2	Hạng mục 2: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Hai Hát A	- Cắt CB+FCO trạm Hai Hát A	- Thay dây hạ thế: 1239m - Bỏ sung tiếp địa: 6 bộ - Thay hộp đômônô: 33 hộp - Sơn số trụ: 33 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
3	Hạng mục 3: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh Bù Số 1	- Cắt CB+FCO trạm Kinh Bù số 1	- Thay dây hạ thế: 962m - Bỏ sung tiếp địa: 4 bộ - Thay hộp đômônô: 25 hộp - Sơn số trụ: 25 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
4	Hạng mục 4: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh Bù Số 2	- Cắt CB+FCO trạm Kinh Bù số 2	- Thay dây hạ thế: 1193m - Bỏ sung tiếp địa: 8 bộ - Thay hộp đômônô: 26 hộp - Sơn số trụ: 27 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
5	Hạng mục 5: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh Bả Thước Số 3	- Cắt CB+FCO trạm Kinh Bả Thước số 3	- Thay dây hạ thế: 1130m - Bỏ sung tiếp địa: 3 bộ - Thay hộp đômônô: 29 hộp - Sơn số trụ: 30 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	

Stt	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
6	Hạng mục 6: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh Bảy Thước Số 4	- Cắt CB+FCO trạm Kinh Bảy Thước số 4	- Thay dây hạ thế: 570m - Bỏ sung tiếp địa: 5 bộ - Thay hộp đômônô: 14 hộp - Sơn số trụ: 25 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
7	Hạng mục 7: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh K27 Số 3	- Cắt CB+FCO trạm Kinh K27 số 3	- Thay dây hạ thế: 926m - Bỏ sung tiếp địa: 4 bộ - Thay hộp đômônô: 14 hộp - Sơn số trụ: 16 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
8	Hạng mục 8: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh 9000 Số 3	- Cắt CB+FCO trạm Kinh 9000 số 3	- Thay dây hạ thế: 2384m - Bỏ sung tiếp địa: 10 bộ - Thay hộp đômônô: 39 hộp - Sơn số trụ: 40 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
9	Hạng mục 9: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh 9000 Số 5	- Cắt CB+FCO trạm Kinh 9000 số 5	- Thay dây hạ thế: 666m - Bỏ sung tiếp địa: 5 bộ - Thay hộp đômônô: 18 hộp - Sơn số trụ: 20 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
10	Hạng mục 10: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh 10.000	- Cắt CB+FCO trạm Kinh 10.000	- Thay dây hạ thế: 2021m - Bỏ sung tiếp địa: 10 bộ - Thay hộp đômônô: 44 hộp - Sơn số trụ: 44 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
11	Hạng mục 11: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh 11.000	- Cắt CB+FCO trạm Kinh 11.000	- Thay dây hạ thế: 1965m - Bỏ sung tiếp địa: 8 bộ - Thay hộp đômônô: 38 hộp - Sơn số trụ: 38 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	

Stt	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
12	Hạng mục 12: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh 12.000	- Cắt CB+FCO trạm Kinh Kinh 12.000	- Thay dây hạ thế: 1030m - Bỏ sung tiếp địa: 6 bộ - Thay hộp đômônô: 20 hộp - Sơn số trụ: 21 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
13	Hạng mục 13: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh 12.000 Tân Kiều 1	- Cắt CB+FCO trạm Kinh 12.000 Tân Kiều 1	- Thay dây hạ thế: 1381m - Bỏ sung tiếp địa: 6 bộ - Thay hộp đômônô: 37 hộp - Sơn số trụ: 37 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
14	Hạng mục 14: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh 12.000 Tân Kiều 2	- Cắt CB+FCO trạm Kinh 12.000 Tân Kiều 2	- Thay dây hạ thế: 1670m - Bỏ sung tiếp địa: 10 bộ - Thay hộp đômônô: 43 hộp - Sơn số trụ: 44 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
15	Hạng mục 15: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh Mỹ Đông Số 1	- Cắt CB+FCO trạm Kinh Mỹ Đông số 1	- Thay dây hạ thế: 1170m - Bỏ sung tiếp địa: 6 bộ - Thay hộp đômônô: 30 hộp	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
16	Hạng mục 16: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kinh Mỹ Đông	- Cắt CB+FCO trạm Kinh Mỹ Đông	- Thay dây hạ thế: 1645m - Bỏ sung tiếp địa: 10 bộ - Thay hộp đômônô: 38 hộp	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
17	Hạng mục 17: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Kênh 1000 TM	- Cắt CB+FCO trạm Kênh 1000 TM	- Thay dây hạ thế: 1759m - Bỏ sung tiếp địa: 9 bộ - Thay hộp đômônô: 38 hộp - Sơn số trụ: 39 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
18	Hạng mục 18: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm CDC Ngã 5 Tân Công Sính 1	- Cắt CB+FCO trạm CDC Ngã 5 Tân Công Sính 1	- Thay dây hạ thế: 1241m - Bỏ sung tiếp địa: 13 bộ - Thay hộp đômônô: 37 hộp - Sơn số trụ: 40 trụ	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	

Stt	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
19	Hạng mục 19: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm 59 Thạnh Lợi	- Cắt CB+FCO trạm 59 Thạnh Lợi	- Thay dây hạ thế: 2035m - Bỏ sung tiếp địa: 7 bộ - Thay hộp đômônô: 26 hộp	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
20	Hạng mục 20: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm 112 Thạnh Lợi	- Cắt CB+FCO trạm 112 Thạnh Lợi	- Thay dây hạ thế: 1281m - Bỏ sung tiếp địa: 5 bộ - Thay hộp đômônô: 17 hộp	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
21	Hạng mục 21: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Thạnh Lợi 164	- Cắt CB+FCO trạm Thạnh Lợi 164	- Thay dây hạ thế: 1348m - Bỏ sung tiếp địa: 5 bộ - Thay hộp đômônô: 19 hộp	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
22	Hạng mục 22: Sửa chữa lưới điện hạ thế trạm Thạnh Lợi 180	- Cắt CB+FCO trạm Thạnh Lợi 180	- Thay dây hạ thế: 650m - Bỏ sung tiếp địa: 3 bộ - Thay hộp đômônô: 9 hộp	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người	
II	Sửa chữa lưới điện hạ thế khu vực huyện Thanh Bình (năm 2026)						
1	Hạng mục 1: Sửa chữa lưới hạ áp trạm Mương Khai	Cắt CB, FCO trạm	- Dựng trụ BTLT 8,5m (thủ công): 6 trụ. - Dựng trụ BTLT 8,5m (thủ công + cơ giới): 6 trụ. - Dựng trụ BTLT 10m (thủ công): 6 trụ. - Thay dây nhôm bọc hạ thế: 2xAV-70 thành ABC 2x70 dài 0,839 km; 2xAV-95 thành AV-95 dài 0,124 km. - Lắp hộp phân phối tải: 11 hộp.	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 20 người - Phương tiện \geq 01 xe cầu chuyên dụng.	
2	Hạng mục 2: Sửa chữa lưới hạ áp trạm Mương Khai C	Cắt CB, FCO trạm	- Thay dây nhôm bọc hạ thế: 2xAV-70 thành ABC 2x70 dài 0,385 km. - Lắp hộp phân phối tải: 5 hộp.	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 10 người	

Stt	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
3	Hạng mục 3: Sửa chữa lưới hạ áp trạm Voi Lửa A	Cắt CB, FCO trạm	- Thay dây nhôm bọc hạ thế: 2xAV-70 thành ABC 2x70 dài 0,505 km. - Lắp hộp phân phối tải: 3 hộp.	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 15 người	
4	Hạng mục 4: Sửa chữa lưới hạ áp trạm Voi Lửa A1	Cắt CB, FCO trạm	- Dựng trụ BTLT 8,5m: 3 trụ. - Chỉnh trụ nghiêng: 2 trụ. - Thay dây nhôm bọc hạ thế: 2xAV-70 thành ABC 2x70 dài 0,363 km. - Lắp hộp phân phối tải: 6 hộp.	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 20 người - Phương tiện \geq 01 xe cầu chuyên dụng.	
5	Hạng mục 5: Sửa chữa lưới hạ áp trạm Cồn Tô Châu 3	Cắt CB, FCO trạm	-Thay dây nhôm bọc hạ thế 2xAV-70 thành ABC 2x70 dài 0,380m. - Lắp hộp phân phối tải: 4 hộp.	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 10 người	
6	Hạng mục 6: Sửa chữa lưới hạ áp trạm AS Tô Châu	Cắt CB, FCO trạm	-Thay dây nhôm bọc hạ thế 2xAV-70 thành ABC 2x70 dài 0,630m. - Lắp hộp phân phối tải: 4 hộp.	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 10 người	
7	Hạng mục 7: Sửa chữa lưới hạ áp trạm Lòng Hồ	Cắt CB, FCO trạm	-Thay dây nhôm bọc hạ thế 2xAV-70 thành ABC 2x70 dài 0,586m. - Lắp hộp phân phối tải: 7 hộp.	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 20 người	
III Sửa chữa lưới điện trung thế khu vực huyện Thanh Bình (năm 2026)							
1	Hạng mục 1: Sửa chữa lưới trung thế 3P-22kV nhánh rẽ Xã Phú Lợi	Cắt 3 LBFCO 475-10/2	- Thay dây trung thế: 3xACX50/8 thành 3xACXH50/8 dài 0,133km; 3xAC50 thành 3xAC50 dài 1,490km. - Thay sứ: 93 SĐU 24kV; 4 SĐI 24kV; 1 SĐG 24kV; 27 sứ néo. - Tiếp địa đà sắt: 3 bộ.	2 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 65 người - Phương tiện \geq 1 xe tải.	

Stt	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
2	Hạng mục 2: Sửa chữa lưới trung thế 3P-22kV nhánh rẽ Bình Thành - Bình Tấn	Cắt 3 LBFCO 472-8/1/1/1 + 3 LBFCO 474-11/2	- Dựng trụ BTLT 12m: 27 trụ. - Thay dây trung thế: 3xAC50 thành 3xAC70 dài 0,227km; 3xAC70 thành 3xAC70 dài 0,562km; 3xACX70/11 thành 3xACXH70/11 dài 3,111km.	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 60 người - Phương tiện \geq 02 xe cầu chuyên dùng.	
		Cắt 3 LBFCO 472-8/1/1/1-1	- Thay sứ: 21 SĐU 24kV; 33 SĐU 35kV; 81 sứ néo. - Tiếp địa đà sắt: 43 bộ.	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 60 người - Phương tiện \geq 1 xe tải.	
3	Hạng mục 3: Sửa chữa lưới trung thế 3P-22kV nhánh rẽ Kinh Phú Cường	Cắt 3 LBFCO 472-8/1/1/1	- Dựng trụ BTLT 12m: 27 trụ. - Thay dây trung thế: 3xAC70 thành 3xAC70 dài 4,467km. - Thay sứ: 239 SĐU 24kV; 60 sứ néo.	2 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 80 người - Phương tiện \geq 02 xe cầu chuyên dùng.	
IV	Sửa chữa lưới điện trung thế khu vực huyện Tam Nông (năm 2026)						
1	Hạng mục 1: Sửa chữa lưới trung thế 3P-22kV nhánh rẽ NR Bơm HTX Phú Ninh (Đoạn từ trụ 20/1-20/10 tuyến 476AL).	NR 476-8/2AL	- Thay dây vận hành lâu năm có nhiều mối nối. - Thay sứ cũ vận hành lâu năm bằng sứ mới để đảm bảo vận hành. - Thay trụ chôn sâu, bị nghiêng chôn sâu không sửa được - Bỏ sung ốp đà, ốp tole, sơn số trụ. - Thay hộ điện kế, thùng CB bị bể, rỉ sét	1 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 30 người - Phương tiện \geq 02 xe cầu chuyên dùng dựng trụ.	
2	Hạng mục 2: Sửa chữa lưới trung thế 3P-22kV nhánh rẽ NR Bơm HTX	NR 476-8/2AL	- Thay dây vận hành lâu năm có nhiều mối nối. - Thay sứ cũ vận hành lâu năm bằng sứ	2 lần	8 giờ /1 lần	- Nhân lực \geq 50 người	

Stt	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
	An Phú (Đoạn từ trụ 20/10-20/42 tuyến 476AL).		<ul style="list-style-type: none"> - mới để đảm bảo vận hành. - Thay trụ chôn sâu, bị nghiêng chôn sâu không sửa được - Bỏ sung ốp đà, ốp tole, sơn số trụ. - Thay hộ điện kế, thùng CB bị bể, rỉ sét 			<ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện \geq 02 xe cầu chuyên dùng dựng trụ. 	
3	Hạng mục 3: Sửa chữa lưới trung thế 3P-22kV nhánh rẽ NR Bơm Kênh Gạo-Cầu Ranh (Đoạn từ trụ 41-41/8 tuyến 473TN).	NR 473-8A/2-1/1TN	<ul style="list-style-type: none"> - Thay dây vận hành lâu năm có nhiều mối nối. - Thay sứ cũ vận hành lâu năm bằng sứ mới để đảm bảo vận hành. - Thay trụ chôn sâu, bị nghiêng chôn sâu không sửa được - Bỏ sung ốp đà, ốp tole, sơn số trụ. - Thay hộ điện kế, thùng CB bị bể, rỉ sét 	1 lần	8 giờ /1 lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực \geq 20 người - Phương tiện \geq 02 xe cầu chuyên dùng dựng trụ. 	
4	Hạng mục 4: Sửa chữa lưới trung thế 3P-22kV nhánh rẽ NR Kênh An Long 2 (Đoạn từ trụ 48-48/29 tuyến 477AL).	NR 477-10/1AL	<ul style="list-style-type: none"> - Thay dây vận hành lâu năm có nhiều mối nối. - Thay sứ cũ vận hành lâu năm bằng sứ mới để đảm bảo vận hành. - Thay trụ chôn sâu, bị nghiêng chôn sâu không sửa được - Bỏ sung ốp đà, ốp tole, sơn số trụ. - Thay hộ điện kế, thùng CB bị bể, rỉ sét 	2 lần	8 giờ /1 lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực \geq 40 người - Phương tiện \geq 02 xe cầu chuyên dùng dựng trụ. 	
5	Hạng mục 5: Sửa chữa lưới trung thế 3P-22kV nhánh rẽ NR Kênh An Long (Kênh An Long 2) (Đoạn từ trụ 48/30-48/49 tuyến 477AL).	NR 477-10/1AL	<ul style="list-style-type: none"> - Thay dây vận hành lâu năm có nhiều mối nối. - Thay sứ cũ vận hành lâu năm bằng sứ mới để đảm bảo vận hành. - Thay trụ chôn sâu, bị nghiêng chôn sâu không sửa được 	2 lần	8 giờ /1 lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực \geq 30 người - Phương tiện \geq 02 xe cầu chuyên dùng dựng trụ. 	

Stt	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PĐ, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung ốp đà, ốp tole, sơn số trụ. - Thay hộ điện kế, thùng CB bị bể, rỉ sét 				

1.2 Số lần công tác điện nóng không cắt điện – Thi công Hotline: Không có.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật:

Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Yêu cầu kỹ thuật về vật tư, thiết bị:

a) Thông số kỹ thuật: Trụ điện BTLT, đà cản – đế neo, cách điện, xà đỡ thép hình, sắt U, thanh neo, thanh chống, phụ kiện các loại theo “Quy định Đặc tính kỹ thuật các vật tư thiết bị lưới điện trung, hạ thế áp dụng trong Tổng công Điện lực miền Nam” ban hành theo Quyết định số 20/QĐ-HĐTV ngày 11 tháng 3 năm 2022 đính kèm theo hồ sơ E-HSMT.

b) Kiểm tra, thử nghiệm xuất xưởng; thử nghiệm nghiệm thu (thử nghiệm mẫu); số lượng mẫu thử nghiệm cho từng chủng loại vật tư, thiết bị theo yêu cầu đặc tính kỹ thuật của từng loại vật tư, thiết bị “Quy định Đặc tính kỹ thuật các vật tư thiết bị lưới điện trung, hạ thế áp dụng trong Tổng công Điện lực miền Nam” ban hành theo Quyết định số 20/QĐ-HĐTV ngày 11 tháng 3 năm 2022 đính kèm theo hồ sơ E-HSMT.

2. Quy định, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Quyết định số 88/QĐ-HĐTV ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành Ban hành Quy định về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;
- Quyết định số 631/QĐ-EVN ngày 20/4/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định triển khai nhật ký thi công điện tử và biên bản nghiệm thu điện tử trên phần mềm Quản lý Đầu tư Xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

3. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

- Đệ trình cho chủ đầu tư phương án thi công gồm: Biện pháp tổ chức thi công; tiến độ thi công chi tiết thực hiện bằng phần mềm MS Project và các biện pháp thi công đặc biệt cho các đoạn vượt hoặc thi công bên cạnh các công trình hiện hữu, dịch chuyển các công trình xây dựng đã có ra khỏi hành lang an toàn của tuyến; Biện pháp đảm bảo ATLĐ, vệ sinh môi trường trên công trình và khu vực lân cận trong quá trình thi công và vận chuyển vật tư thiết bị vật liệu cấu kiện đến công trường;
- Chỉ huy trưởng, cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công và giám sát B phải thường xuyên có mặt trên công trường trực tiếp của ĐVTC;
- Phương tiện, máy móc, trang thiết bị phục vụ thi công và thí nghiệm tại hiện trường dùng cho gói thầu phải thật sự đảm bảo vận hành tốt và an toàn;

- Phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư trong việc kiểm tra thực hiện các biện pháp tổ chức thi công xây dựng hằng ngày trên công trường; về các lĩnh vực: chất lượng TC, ATLĐ, bảo vệ môi trường tại khu vực thi công;

4. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử):

- Tất cả các vật tư, vật liệu, cấu kiện xây dựng, phụ kiện do nhà thầu thực hiện đều mới, chưa từng qua sử dụng và phải cung cấp các tài liệu như: Nguồn gốc (xuất xứ), chứng chỉ xuất xưởng, biên bản thí nghiệm, kèm theo các thông số kỹ thuật và quy cách của vật tư thiết bị để đơn vị Tư vấn giám sát thi công xây dựng (Giám sát A) của chủ đầu tư kiểm tra và nghiệm thu trước khi xây dựng, lắp đặt;
- Tất cả các vật tư, thiết bị do chủ đầu tư cấp cho nhà thầu để thi công xây dựng, phải được đơn vị Tư vấn giám sát thi công xây dựng (Giám sát A) của chủ đầu tư kiểm tra và nghiệm thu trước khi xây dựng, lắp đặt.

5. Các yêu cầu về trình tự thi công và lắp đặt:

a) Vận chuyển vật tư thiết bị và vận chuyển nhân lực thi công:

- Nhà thầu có trách nhiệm xin phép thi công xây dựng trên đường giao thông phục vụ thi công toàn bộ khối lượng gói thầu. Việc vận chuyển trên đường giao thông phục vụ cho thi công mà gây hư hỏng đường thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm sửa chữa lại theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành;

Vận chuyển, bốc dỡ vật tư thiết bị:

+ *Trụ điện: Dùng xe chuyên dùng phù hợp với các chủng loại trụ, chằng buộc chắc chắn; nâng hạ trụ từ phương tiện vận chuyển phải cùng cầu hoặc thiết bị tương đương; không được bẫy trụ rơi xuống từ phương tiện vận chuyển.*

+ *Dây dẫn: Các ru lô phải ở vị trí thẳng đường (tư thế lãn).*

+ *Cách điện: Phải giữ nguyên kiện, không được vận chuyển chung với các vật tư rắn khác để tránh va đập gây hư hỏng.*

+ *Các vật tư thiết bị khác: Vận chuyển và bốc dỡ cẩn thận tránh gây hư hỏng và thất lạc.*

- b) Kho bãi:** Nhà thầu chịu trách nhiệm lập kho bãi để bảo quản toàn bộ vật tư, thiết bị, phụ kiện phục vụ thi công xây dựng công trình.

c) Kiểm tra, đóng cọc mốc:

- Sau khi nhận mốc từ Đơn vị Tư vấn thiết kế, nhà thầu tiến hành kiểm tra các cọc mốc đã nhận đối chiếu với hồ sơ thiết kế. Nếu trong quá trình thực hiện, mà nhà thầu có phát hiện các sai khác so với bản vẽ thiết kế thì phải thông báo ngay cho chủ đầu tư biết phối hợp xử lý.

d) Phát quang hành lang tuyến:

- Sau khi phóng tuyến, định vị cọc mốc, nhà thầu phối hợp với chủ đầu tư để tổ chức phát quang hành lang tuyến đảm bảo khoảng cách an toàn đóng điện vận hành theo quy định. Trong quá trình thực hiện công tác này, hạn chế tối đa việc thiệt hại và không được làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân.

e) Vị trí trụ lắp đặt:

- Tại vị trí dựng trụ; nếu có dòng nước chảy, cần tạo dốc hoặc có biện pháp chuyển hướng dòng chảy để ngăn ngừa sạt lở.

f) Đào hố móng, lắp dựng trụ:

- Đất đào sau khi đắp đất chân trụ còn thừa phải được đổ có chỗ (*có thể hỏi ý kiến của chủ đất nơi dựng trụ*), không được đổ bừa bãi làm ứ đọng nước hoặc ảnh hưởng đến việc sản xuất, đi lại của người dân;
- Khi đào hố móng phải có biện pháp tránh sạt lở, lún và ảnh hưởng đến các công trình lân cận. khi đào hố móng mà gặp hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác phải ngừng lại

và báo ngay cho chủ đầu tư để mời cơ quan quản lý phân ngầm đó cùng xem xét thống nhất giải pháp thực hiện mới được tiến hành tiếp tục;

- Trước khi dựng cột, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để kiểm tra chủng loại. Kỹ thuật lắp dựng và độ chôn sâu phải theo tuân thủ theo bản vẽ thiết kế công trình. Sau khi lắp dựng xong phải tiến hành kiểm tra độ nghiêng, đắp đất chân trụ theo bản vẽ trước khi thực hiện các bước công việc tiếp theo trên trụ;

- Việc đắp đất móng phải được tiến hành theo từng lớp 30-40cm rồi đầm kỹ, đầm chặt theo bản vẽ thiết kế. Khi đắp hố móng trên nền đất ướt hoặc ngập nước, phải tiến hành tiêu thoát nước và vét bùn (nếu có); chỉ được phép đắp đất bằng loại đất đồng nhất;

- Sau khi đắp đất và đầm nén phải được thí nghiệm điển hình tại hiện trường và **kết quả phải đạt theo yêu cầu hệ số đầm nén $K \geq 0,85$;**

- **Số lượng mẫu thí nghiệm cho gói thầu: Tối thiểu 01 tổ mẫu, nếu khối lượng đắp đất móng $\geq 100 \text{ m}^3$, thì cứ mỗi 100 m^3 lấy 01 tổ mẫu (tiêu chuẩn TCVN 4447:2012).**

g) Móng trụ bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ:

- Chủng loại, qui cách và chi tiết buộc liên kết cốt thép (thép chưa thi công không được để ngoài mưa nắng, không để trực tiếp dưới đất);

- Cấp phối vữa bê tông: Cát, đá phải đúng chủng loại và sạch;

- Nước sạch, không bị phèn, mặn;

- Xi măng phải có nhãn mác, không bị vón cục và còn thời hạn sử dụng;

- Đầm, dùi vữa bê tông trong quá trình đổ theo qui định và đổ phải liên tục.

- Móng bê tông sau khi đổ phải được thử nghiệm điển hình và phải đạt theo yêu cầu thiết kế (mác 200).

- **Số lượng mẫu bê tông: Mỗi ngày đổ bê tông lấy 01 tổ mẫu, nếu khối lượng đổ bê tông trong ngày $> 20 \text{ m}^3$ thì mỗi 20 m^3 lấy 01 tổ mẫu.**

h) Biển báo, biển số:

- Biển báo an toàn, biển số phải được thực hiện có kiểu dáng, quy cách, độ cao theo đúng quy định theo bản vẽ thiết kế.

i) Nối đất:

- Tiếp đất lặp lại trên dây trung hòa toàn tuyến với khoảng cách theo hồ sơ thiết kế; nối đất thiết bị trạm giữa chống sét, dây trung hòa, vỏ thiết bị,..... Kỹ thuật nối dây tiếp đất, cọc tiếp đất đóng trực tiếp xuống đất có vị trí và độ sâu theo bản vẽ thiết kế;

- Đo điện trở nối đất: Sau khi thực hiện tiếp đất tại các vị trí quy định, nhà thầu tiến hành đo điện trở đất và ghi chép thông số kỹ thuật vào sổ theo quy định của chủ đầu tư.

j) Lắp cách điện & rải căng dây:

- Cách điện và phụ kiện trước khi lắp đặt phải lau chùi sạch sẽ kiểm tra bằng mắt thường để phát hiện trường hợp cách điện bị nứt để loại ra. Việc bóc dỡ đưa cách điện vào vị trí lắp đặt phải được thực hiện cẩn thận và sử dụng các phương tiện thi công phù hợp để tránh hư hỏng. Kiểm tra lại chốt bị các chuỗi sứ để tránh tình trạng rơi sứ;

- Công tác rải và căng dây có thể thực hiện bằng phương pháp thủ công hoặc thủ công kết hợp cơ giới. Đơn vị thi công phải có dụng cụ nâng bành dây để ra dây, dọn bãi dây tại các điểm néo để đặt dụng cụ néo dây;

- Tại các địa hình phức tạp, việc rải dây phải thực hiện bằng phương pháp thủ công. Các đoạn tuyến giao chéo, vượt đường giao thông, đường dây điện lực, thông tin; nhà thầu phải lập phương án thi công cụ thể cho từng vị trí để trình cho chủ đầu tư để được thống nhất trước khi thực hiện;

- Khi kéo dây không được kéo lê trên mặt đất, trên kết cấu cứng có thể gây mòn hoặc trầy xước dây. Phải dùng pully để treo dây và kéo dây qua các vị trí trụ. Sau khi dây được đưa lên xà, phải để dây dẫn đều mới tiến hành căng dây lấy độ võng và lắp khóa cố định;
- Thực hiện đấu nối để đóng điện: Nhà thầu căn cứ vào kế hoạch thi công đã thống nhất với Chủ đầu tư để đăng ký cắt điện đấu nối đường dây với đơn vị quản lý vận hành lưới điện khu vực trước 10 ngày theo quy định.

k) Lắp trạm biến áp & thùng điện kế trạm:

- Trước khi cầu, kéo MBA để lắp đặt, phải kiểm tra tình trạng bên ngoài thiết bị: Máy biến thế không bị rỉ dầu; phần sứ cách điện không bị nứt bể, hư hỏng và được vệ sinh sạch sẽ trước khi lắp trên trụ; dùng dây thừng giữ máy trong quá trình cầu, kéo vào vị trí tránh va đập vào thân trụ làm hỏng máy;
- Máy biến áp và các thiết bị phải đúng vị trí, đảm bảo khoảng cách theo bản vẽ thiết kế và dễ thao tác;
- Các dây nối giữa các thiết bị phải chắc chắn và đúng kỹ thuật; đầu dây cáp đồng bọc trung thế phải được bóc vỏ PVC tối thiểu là 10 cm.
- Lắp đặt thùng điện kế phải đúng theo thiết kế và phải phù hợp với địa hình tại vị trí lắp đặt để thuận tiện cho quản lý vận hành sau này và khoảng cách lắp thùng đối với mặt đất đúng theo Quy định kỹ thuật hệ thống đo đếm điện năng trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;
- Các thiết bị lắp đặt phải đúng với phiếu xuất kho, phiếu thí nghiệm; vệ sinh sạch sẽ trước khi lắp đặt và đấu nối hệ thống;
- Đấu nối các thiết bị, điện kế phải đúng yêu cầu kỹ thuật của trạm; các đầu dây, mối nối phải đảm bảo bọc cách điện kín và không hở mạch.

6. Yêu cầu về vận hành, thử nghiệm, an toàn:

- Khi nghiệm thu kỹ thuật để chuẩn bị nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng phải được thử nghiệm tại hiện trường về điện trở cách điện giữa các dây dẫn (*pha – pha*); dây dẫn – xà (*hoặc trụ*); đo điện trở tiếp đất tại các vị trí tiếp đất lập lại, tiếp đất trạm.

7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

- Hằng ngày, đơn vị thi công có trách nhiệm thu dọn, làm sạch và hoàn trả lại mặt bằng mà trong quá trình thi công bị hư hại hoặc chiếm dụng;
- Tất cả các thiết bị, phương tiện, nguyên vật liệu, đất thừa, rác thải.... trong quá trình thi công phải được thu dọn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh mỹ quan chung của khu vực;
- Toàn bộ các tồn tại theo nội dung này phải được hoàn tất trước ngày nghiệm thu bàn giao là 03 ngày.

8. Yêu cầu về an toàn lao động:

- Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp an toàn cho công nhân của mình trong quá trình thi công; tuân thủ các quy định, hướng dẫn của đơn vị quản lý vận hành lưới điện khu vực khi công tác trên lưới điện và gần nơi có điện;
- Nhà thầu phải tuân thủ thực hiện đúng các quy định về an toàn điện và các quy định về an toàn khác do Nhà nước ban hành;
- Trong quá trình thi công phải tuân thủ các quy định về kỹ thuật an toàn trong công tác xây dựng, cụ thể phải đảm bảo quy trình kỹ thuật an toàn điện trong công tác quản lý, vận hành, sửa chữa, xây dựng đường dây và trạm điện được ban hành kèm theo Quyết định số: QĐ số 959/QĐ-EVN ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định an toàn khác của Nhà nước ban hành.
- Phải kiểm tra sức khỏe cho công nhân đang làm việc trên ở độ cao, trang bị đầy đủ dụng cụ phòng hộ lao động.

- Khi thi công trên cao phải đảm bảo các biện pháp an toàn trèo cao như mang mũ bảo hộ, đeo dây an toàn... dụng cụ mang theo phải gọn gàng dễ thao tác. Không được làm việc trên cao khi trời sắp tối, khi trời có sương mù hoặc khi có gió từ cấp 5 trở lên.
- Khi tuyến đường dây trên không đi gần khu vực dân cư phải chú ý biện pháp an toàn thi công cho người và tài sản phía dưới.
- Khi kéo dây phải bảo đảm đúng quy trình công nghệ thi công, các vị trí néo hãm phải thật chắc chắn để tránh xảy ra tụt néo gây tai nạn. Các vị trí kéo dây vượt chướng ngại vật phải làm biển cấm, biển báo và ba-ri-e.
- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị thi công trước khi vận hành. Kiểm tra kỹ các dây chằng, móc cáp trước khi cầu lắp vật nặng.
- **Tất cả công nhân phải được huấn luyện học tập an toàn lao động và có tay nghề đúng chuyên môn.**

9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

a) Yêu cầu về nhân lực:

- Nhà thầu phải tuân thủ việc bố trí cán bộ chủ chốt và nhân lực có trình độ và số lượng và đúng người như đã đăng ký khi tham gia dự thầu;
- Chỉ huy trưởng công trình, cán bộ phụ trách thi công phải đúng theo yêu cầu về năng lực kỹ thuật đã đệ trình trong HSDT của nhà thầu;
- Đội ngũ công nhân kỹ thuật: Lành nghề, liệt kê theo danh sách cụ thể về Đội, Tốp, nhóm thi công.

b) Yêu cầu về thiết bị phục vụ thi công:

- Nhà thầu có kế hoạch huy động thiết bị, máy móc, phương tiện, dụng cụ thi công chuyên ngành chủ yếu đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, an toàn trong thi công xây lắp và đáp ứng kịp thời theo tiến độ thực hiện các công đoạn xây dựng. Nếu các thiết bị, phương tiện, dụng cụ nào mà nhà thầu phải thuê thì đệ trình hợp đồng thuê.
- Việc huy động các máy móc, thiết bị thi công này phải đúng thời hạn và phù hợp với tiến độ chung của gói thầu; các thiết bị thi công còn sử dụng tốt, đảm bảo an toàn.

10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục:

- Nhà thầu tính toán phương án, nhân lực thi công tổng thể đồng loạt cho toàn bộ gói thầu khi có lệnh khởi công công trình.
- Các hạng mục xây dựng mới hạ thế độc lập không liên quan đến việc cắt điện, khi đấu nối lưới hiện hữu để kéo dây đề nghị tính toán đúng vào thời gian cắt điện phát tuyến dự kiến đấu nối để tránh cắt điện nhiều lần.

11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:

- Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:
- Lập hệ thống quản lý chất lượng nội bộ phù hợp với công trình xây dựng. Trong đó, quy định rõ trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân tham gia thi công xây dựng công trình;
- **Tổ chức thực hiện các thí nghiệm, kiểm tra vật liệu, thiết bị, công nghệ, cấu kiện và các sản phẩm xây dựng phải đảm bảo theo yêu cầu thiết kế, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước đáp ứng thời gian theo yêu cầu trước khi xây dựng và lắp đặt cho công trình, cụ thể như sau:**

Stt	Tên nhóm vật liệu, vật tư	Thủ tục kiểm tra chất lượng sản phẩm, thí nghiệm đối chứng	Thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Xi măng; cốt liệu bê tông; thép cốt bê tông; nước	Thí nghiệm xác định chỉ tiêu, cơ lý của vật liệu, phân tích hành phần của		Nhà thầu cùng TVGS tổ chức lấy mẫu, tiến hành thí

Stt	Tên nhóm vật liệu, vật tư	Thủ tục kiểm tra chất lượng sản phẩm, thí nghiệm đối chứng	Thực hiện	Thời gian thực hiện
	sử dụng cho công trình; thép hình	nước trước khi đưa vào sử dụng		thực hiện kiểm tra, chậm nhất 05 ngày sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công
2	Bê tông thương phẩm	Kiểm tra vật liệu, thiết bị, quy trình sản xuất, thí nghiệm vật liệu theo tiêu chuẩn hiện hành, chứng nhận CO/CQ vật liệu của nhà sản xuất, thí nghiệm cấp phối bê tông	Yêu cầu trình chấp thuận phương án sản xuất/cung cấp cốt liệu, bê tông thương phẩm, biện pháp kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất của đơn vị cung cấp	Nhà thầu cùng TVGS tổ chức lấy mẫu, tiến hành thí nghiệm kiểm tra, chậm nhất 05 ngày sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công
3	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông theo loại cốt liệu và cấp độ bền được quy định trong hồ sơ thiết kế	Đúc mẫu thử và đem thí nghiệm cường độ nén mẫu theo thiết kế thành phần cấp phối bê tông đăng ký	Nhà thầu thuê đơn vị LAS thiết kế, thí nghiệm; TVGS chứng kiến kiểm tra mẻ trộn thử, chứng kiến thí nghiệm và gửi kết quả	Nhà thầu cùng TVGS tổ chức lấy mẫu, tiến hành thí nghiệm kiểm tra, chậm nhất 05 ngày sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công
4	Cột bê tông treo dây dẫn điện	Kiểm tra ngoại quan và thí nghiệm mẫu đại diện lô hàng về chịu lực theo quy định của thiết kế	Nhà thầu có văn bản mời nghiệm thu lô cột	Chậm nhất 25 ngày sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công (hoặc theo tiến độ chi tiết nêu trong hợp đồng)
5	Tổ mẫu bê tông cấu kiện	Thí nghiệm nén mẫu	Không yêu cầu trình duyệt	Theo kế hoạch của nhà thầu, thực hiện trước khi nghiệm thu khối lượng công việc
6	Cách điện và phụ kiện	Thí nghiệm theo tiêu chuẩn hiện hành hoặc chứng nhận CO/CQ của nhà sản xuất	Nhà thầu có văn bản mời lấy mẫu	Chậm nhất 20 ngày sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công

- Lập, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp tổ chức thi công xây dựng hằng ngày trên công trường;
- Lập, kiểm tra thực hiện tiến độ đăng ký theo hợp đồng đã ký kết;
- Quản lý và ghi chép nhật ký công trường theo quy định;
- Kiểm tra, giám sát về an toàn lao động trong suốt quá trình thi công xây dựng công trình của các nhóm công tác;
- Kiểm tra, thực hiện bảo vệ môi trường tại khu vực thi công;
- Tổ chức nghiệm thu nội bộ và lập bản vẽ hoàn công các hạng mục, bộ phận, công trình hoàn thành và chuẩn bị đủ các tài liệu hồ sơ liên quan trước khi lập phiếu yêu cầu tổ chức nghiệm thu;

- Báo cáo về tiến độ, khối lượng, chất lượng thi công xây dựng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, PCCN theo yêu cầu của Điện lực;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng công việc do mình đảm nhận; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không đảm bảo chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây ra thiệt hại.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1		BVMB	7/2025
2		BVCT	7/2025

V. Các yêu cầu/chỉ dẫn khác:

1. Bảng kê vật tư, thiết bị do Chủ đầu tư cấp:

Stt	Danh mục	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
I	Sửa chữa lưới điện hạ thế khu vực huyện Tháp Mười (năm 2026)			
1	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LV-ABC]-2x50	Mét	5.282	
2	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LV-ABC]-2x70	Mét	6.667	
3	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LV-ABC]-3x50	Mét	5.099	
4	Dây Nhôm Trần Lõi Thép [As/ACSR]-50/8	Kg	606	
5	Dây thép trần xoắn mạ kẽm TK-35	Kg	11	
6	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 50mm ²	Mét	991	
7	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 70mm ²	Mét	12.649	
8	Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm ²	Kg	303	
9	Dây đồng cách điện PVC hạ thế 0,6.1kV [CV] - 25mm ²	Mét	2.448	
10	Cáp điện kế 2 ruột đồng (mu-le) cách điện PVC vỏ PVC 0,6/1kV [DK-CVV] - 2 x 6 mm ²	Mét	328	
11	Cáp điện kế 2 ruột đồng (mu-le) cách điện PVC vỏ PVC 0,6/1kV [DK-CVV] - 2 x 11 mm ²	Mét	530	
12	Cáp duplex ruột đồng cách điện PVC 0,6/1kV [DuCV] - 2x6 mm ²	Mét	3.838	
II	Sửa chữa lưới điện trung thế khu vực huyện Thanh Bình (năm 2026)			
1	Dây đồng bọc chống thấm Cách điện XLPE, vỏ HDPE 24 kV [CXH]-25	Kg	39	
2	Dây nhôm lõi thép bọc chống thấm Cách điện XLPE, vỏ HDPE 24 kV [ACXH]-50/8	Kg	416	
3	Dây nhôm lõi thép bọc chống thấm Cách điện XLPE, vỏ HDPE 24 kV [ACXH]-70/11	Mét	9.532	
4	Dây Nhôm Trần Lõi Thép [As/ACSR]-50/8	Mét	1.026	
5	Dây Nhôm Trần Lõi Thép [As/ACSR]-70/11	Mét	4.220	
6	Dây thép trần xoắn mạ kẽm TK-50	Mét	15	
7	Dây thép xoắn mạ kẽm bọc cách điện dùng làm dây tiếp địa DTD-TK 35	Kg	598	
8	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 50mm ²	Mét	23	
9	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 70mm ²	Mét	31	
10	Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm ²	Mét	38	
11	Cáp duplex ruột đồng cách điện PVC 0,6/1kV [DuCV] - 2x6 mm ²	Mét	237	
III	Sửa chữa lưới điện hạ thế khu vực huyện Thanh Bình (năm 2026)			

Stt	Danh mục	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LV-ABC]-2x70	Mét	3.841	
2	Dây thép trần xoắn mạ kẽm TK-35	Kg	9	
3	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 95 mm ²	Mét	142	
4	Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm ²	Kg	7	
5	Dây đồng cách điện PVC hạ thế 0,6.1kV [CV] - 25mm ²	Mét	191	
6	Cáp điện kế 2 ruột đồng (mu-le) cách điện PVC vỏ PVC 0,6/1kV [DK-CVV] - 2 x 11 mm ²	kg	29	
7	Cáp duplex ruột đồng cách điện PVC 0,6/1kV [DuCV] - 2x6 mm ²	Mét	114	
IV	Sửa chữa lưới điện trung thế khu vực huyện Tam Nông (năm 2026)			
1	Dây đồng bọc chống thấm Cách điện XLPE, vỏ HDPE 24 kV [CXH]-25	Mét	18	
2	Dây Nhôm Trần Lõi Thép [As/ACSR]-50/8	Kg	1.387	
3	Dây Nhôm Trần Lõi Thép [As/ACSR]-70/11	Kg	5.845	
4	Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm ²	Kg	47	
5	Cáp điện kế 2 ruột đồng (mu-le) cách điện PVC vỏ PVC 0,6/1kV [DK-CVV] - 2 x 11 mm ²	Mét	150	
6	Cáp duplex ruột đồng cách điện PVC 0,6/1kV [DuCV] - 2x11 mm ²	Mét	376	

2. Bảng kê vật tư do nhà thầu cấp:

Bảng kê khối lượng này thống kê chi tiết. Khối lượng của toàn gói thầu nhà thầu xem chi tiết theo bảng tiên lượng mời thầu:

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Công trình: Sửa chữa lưới điện hạ thế khu vực huyện Tháp Mười (năm 2026)			
A	Phần hạ thế hỗn hợp:			
1	Tiếp địa lập lại luôn trong lòng trụ (trụ 12m)	bộ	1	
	Cáp đồng trần C25mm ²	kg	2,44	A cấp
	Cọc tiếp đất Φ16-2,4m	cọc	1	
	Kẹp cọc tiếp đất	cái	1	
	Kẹp WR 259 (25-50/25-50)	cái	2	
2	Phần dây, sứ và phụ kiện ĐDHT hỗn hợp sửa chữa			
	Uclevis	cái	351	
	Sứ ống chỉ	cái	351	
	Kẹp treo cáp ABC 4x50-95mm ²	cái	84	
	Kẹp ngừng cáp ABC 4x50-95mm ²	cái	27	
	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35 mm ²	cái	1.156	
	Kẹp WR 279 (50-70/50-70)	cái	656	
	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời (kèm theo 02 MCCB, bass, dây đai + khóa đai)	bộ	28	
	Hộp 4 công tơ 1 pha composite ngoài trời (kèm theo 04 MCCB, bass, dây đai + khóa đai)	bộ	57	
	Hộp phân phối tải (loại 6 CB 63A)	bộ	291	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Ống nối căng dây nhôm A 70mm ² (lèo)	ống	11	
	Đầu cosse Cu/Al 50mm ²	cái	34	
	Đầu cosse Cu/Al 70mm ²	cái	76	
	Bu lông 16x250	cái	776	
	Bu lông 16x300	cái	33	
	Bu lông móc 16x200	cái	29	
	Bu lông móc 16x300	cái	88	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	926	
	Băng keo cách điện hạ thế	cuộn	102	
	Dây đai	mét	100	
	Khóa đai	cái	100	
	Ống PVC Φ34 dày 2,1mm	mét	192	
	Dây nhôm buộc (A-50)	kg	39	
	Biển số - Bảng nguy hiểm	cái	204	
B	Phần hạ thế độc lập:			
1	Phần móng trụ, tiếp địa:			
1.1	Móng trụ bê tông ghép: M8-2bt	Móng	1	
	Sắt tròn Φ6 (4,53 x 1,005)	kg	4,55	
	Cát vàng (0,528/1m ³ x 1,025)	m ³	0,23	
	Đá 1x2 (0,871/1m ³ x 1,025)	m ³	0,38	
	Xi măng PCB 40 (259kg/1m ³ x 1,025)	kg	114	
	Nước (183 lít/m ³ x 1,025)	lít	81	
	Lắp ván khuôn thép móng cột	m ²	1,92	
1.2	Tiếp địa lặp lại luôn trong lòng trụ (trụ 8,5m)	bộ	1	
	Cáp đồng trần C25mm ²	kg	1,78	A cấp
	Cọc tiếp đất Φ16-2,4m	cọc	1	
	Kẹp cọc tiếp đất	cái	1	
	Kẹp WR 259 (25-50/25-50)	cái	2	
1.3	Tiếp địa lặp lại luôn trong lòng trụ (trụ 10,5m)	bộ	1	
	Cáp đồng trần C25mm ²	kg	2,22	A cấp
	Cọc tiếp đất Φ16-2,4m	cọc	1	
	Kẹp cọc tiếp đất	cái	1	
	Kẹp WR 259 (25-50/25-50)	cái	2	
2	Phần cột			
2.1	Cột bê tông ly tâm 8,5m	Cột	1	
	Cột BTLT 8,5m F-300kg (có dây tiếp địa) k = 2	cột	1	
3	Phần xà, neo			
3.1	Bộ Boulon ghép trụ BTLT 7,5m-8,5m	Bộ	1	
	Bu lông 16x400VRS	cái	1	
	Bu lông 16x450VRS	cái	1	
	Bu lông 16x550VRS	cái	1	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	6	
3.2	Bộ cơi đầu trụ 2m đơn: COD2m-Đ (U120)	Bộ	1	
	Sắt U120x52x4,8 dài 2m	cây	1	
	Bu lông 16x250	cái	2	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	4	
3.3	Bộ chằng xuống đơn cho trụ 8,5m: CX8-B	Bộ	1	
	Bu lông mắt 16x200	cái	1	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	1	
	Sứ chằng hạ áp	cái	1	
	Kẹp cáp thép 3 Boulon cỡ dây TK35	cái	4	
	Cáp thép chằng TK 35	mét	13	A cáp
	Yếm cáp	cái	2	
	Ống nhựa HDPE Φ80/105 che dây chằng	mét	2	
3.4	Phần dây, sứ và phụ kiện ĐDHT độc lập sửa chữa			
	Uclevis	cái	127	
	Sứ ống chỉ	cái	127	
	Kẹp treo cáp ABC 4x50-95mm ²	cái	230	
	Kẹp ngừng cáp ABC 4x50-95mm ²	cái	106	
	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35 mm ²	cái	1.308	
	Kẹp WR 279 (50-70/50-70)	cái	636	
	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời (kèm theo 02 MCCB, bass, dây đai + khóa đai)	bộ	21	
	Hộp 4 công tơ 1 pha composite ngoài trời (kèm theo 04 MCCB, bass, dây đai + khóa đai)	bộ	24	
	Hộp phân phối tải (loại 6 CB 63A)	bộ	322	
	Ống nối căng dây nhôm lõi thép (ACSR) 50mm ²	ống	3	
	Ống nối căng dây nhôm A 70mm ² (lèo)	ống	14	
	Bu lông 16x200	cái	749	
	Bu lông 16x250	cái	10	
	Bu lông 16x300	cái	16	
	Bu lông 16x400VRS	cái	2	
	Bu lông móc 16x200	cái	293	
	Bu lông móc 16x250	cái	7	
	Bu lông móc 16x300	cái	42	
	Khóa đai	cái	2	
	Dây nhôm buộc (A-50)	kg	19	
	Biển số - Bảng nguy hiểm	cái	295	
II	Công trình: Sửa chữa lưới điện trung thế khu vực huyện Thanh Bình (năm 2026)			
1	Phần móng trụ, tiếp địa:			
1.1	Móng trụ bê tông đơn: M12-1bt	Móng	1	
	Sắt tròn Φ6 (4,53 x 1,005)	kg	4,55	
	Cát vàng (0,528/1m ³ x 1,025)	m ³	0,23	
	Đá 1x2 (0,871/1m ³ x 1,025)	m ³	0,37	
	Xi măng PCB 40 (259kg/1m ³ x 1,025)	kg	111	
	Nước (183 lít/m ³ x 1,025)	lít	79	
	Lắp ván khuôn thép móng cột	m ²	2,16	
2.2	Móng trụ bê tông ghép: M12-2bt	Móng	1	
	Sắt tròn Φ6 (x 1,005)	kg	16,77	
	Cát vàng (0,528/1m ³ x 1,025)	m ³	0,42	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	<i>Đá 1x2 (0,871/1m³ x 1,025)</i>	<i>m³</i>	<i>0,70</i>	
	<i>Xi măng PCB 40 (259kg/1m³ x 1,025)</i>	<i>kg</i>	<i>207</i>	
	<i>Nước (183 lít/m³ x 1,025)</i>	<i>lít</i>	<i>146</i>	
	<i>Lắp ván khuôn thép móng cột</i>	<i>m²</i>	<i>3,00</i>	
1.3	Bộ móng neo 1500x400 cho chằng xuống: MN15-4	Bộ	1	
	<i>Thanh neo Φ22x3000</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Lông đèn vuông d24 (80x80x6)</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Đế neo BTCT 400x1500</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
1.4	Tiếp địa đà sắt (trụ 12m + coi 3m) liên kết với dây trung hòa	bộ	1	
	<i>Dây thép xoắn mạ kẽm bọc cách điện dùng làm dây tiếp địa DTD-TK 35</i>	<i>mét</i>	<i>13</i>	<i>A cấp</i>
	<i>Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 50mm²</i>	<i>mét</i>	<i>0,5</i>	<i>A cấp</i>
	<i>Cọc tiếp đất Φ16-2,4m</i>	<i>cọc</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 12x30</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 8x20</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Lông đèn tròn d12</i>	<i>cái</i>	<i>4</i>	
	<i>Lông đèn vuông d14 (50x50x5)</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Kẹp cáp thép 3 Boulon cỡ dây TK50</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Kẹp WR 279 (50-70/50-70)</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Đầu cosse Cu/Al 50mm²</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Dây đai (5 vị trí đai)</i>	<i>mét</i>	<i>6</i>	
1.5	Bộ tiếp địa trạm 1 pha + máy biến dòng	bộ	1	
	<i>Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm²</i>	<i>kg</i>	<i>7</i>	<i>A cấp</i>
	<i>Cáp duplex ruột đồng cách điện PVC 0,6/1kV [DuCV] - 2x6mm²</i>	<i>mét</i>	<i>4</i>	<i>A cấp</i>
	<i>Cọc tiếp đất Φ16-2,4m</i>	<i>cọc</i>	<i>3</i>	
	<i>Bu lông 12x30</i>	<i>cái</i>	<i>4</i>	
	<i>Lông đèn tròn d12</i>	<i>cái</i>	<i>8</i>	
	<i>Lông đèn vuông d14 (50x50x5)</i>	<i>cái</i>	<i>3</i>	
	<i>Ống PVC Φ21 dày 1,7mm</i>	<i>mét</i>	<i>6</i>	
	<i>Kẹp WR 815 (25-70/120-240)</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Đầu cosse Cu 6mm²</i>	<i>cái</i>	<i>8</i>	
	<i>Đầu cosse Cu 50mm²</i>	<i>cái</i>	<i>4</i>	
	<i>Dây đai</i>	<i>mét</i>	<i>4,8</i>	
1.6	Tiếp địa lặp lại (trụ 12m)	bộ	1	
	<i>Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm²</i>	<i>kg</i>	<i>0,5</i>	<i>A cấp</i>
	<i>Cọc tiếp đất Φ16-2,4m</i>	<i>cọc</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 16x25</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 12x30</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Lông đèn tròn d12</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Lông đèn vuông d14 (50x50x5)</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Đầu cosse Cu 50mm²</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Kẹp WR 259 (25-50/25-50)</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
1.7	Tiếp địa LA đường dây 3 pha (trụ 12m)	bộ	1	
	<i>Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm²</i>	<i>kg</i>	<i>2,9</i>	<i>A cấp</i>

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	<i>Cọc tiếp đất Φ16-2,4m</i>	<i>cọc</i>	<i>2</i>	
	<i>Lông đèn vuông d14 (50x50x5)</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Bu lông 12x30</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Lông đèn tròn d12</i>	<i>cái</i>	<i>4</i>	
	<i>Kẹp WR 259 (25-50/25-50)</i>	<i>cái</i>	<i>4</i>	
	<i>Đầu cosse Cu 50mm2</i>	<i>cái</i>	<i>6</i>	
2	Phần cột			
2.1	Cột bê tông ly tâm 12m	Cột	1	
	<i>Cột BTLT 12m-5,4kN (có dây tiếp địa) k = 2</i>	<i>cột</i>	<i>1</i>	
2.2	Cột bê tông ly tâm 12m (thủ công + cơ giới)	Cột	1	
	<i>Cột BTLT 12m-5,4kN (có dây tiếp địa) k = 2</i>	<i>cột</i>	<i>1</i>	
3	Phần xà, nèo			
3.1	Bộ xà lệch kép L75x75x8 dài 2m: X20L-D (trên coi)	Bộ	1	
	<i>Xà thép mạ kẽm L75x75x8-2m 3 ốp</i>	<i>cây</i>	<i>1</i>	
	<i>Thanh chống mạ kẽm L60x60x6-2,1m</i>	<i>cây</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 16x50</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 16x350VRS</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Lông đèn vuông d18 (60x60x6)</i>	<i>cái</i>	<i>3</i>	
3.2	Bộ xà composite đơn lắp FCO dài 2,8m [(X28Đ-FCO(C))]	Bộ	1	
	<i>Xà composite 75x75x6-2,8m</i>	<i>cây</i>	<i>1</i>	
	<i>Chống composite 38x38x6 - 1,515m</i>	<i>cây</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 16x350</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Bu lông 16x150</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Lông đèn vuông d18 (60x60x6)</i>	<i>cái</i>	<i>6</i>	
3.3	Bộ xà đỡ kép L75x75x8 dài 2,4m: X24L-K	Bộ	1	
	<i>Xà thép mạ kẽm L75x75x8-2,4m 3 ốp</i>	<i>cây</i>	<i>2</i>	
	<i>Thanh chống mạ kẽm L60x60x6-2,5m</i>	<i>cây</i>	<i>2</i>	
	<i>Bu lông 16x250</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 16x300</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 16x50</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Bu lông 16x300VRS</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Lông đèn vuông d18 (60x60x6)</i>	<i>cái</i>	<i>8</i>	
3.4	Bộ xà đỡ kép L75x75x8 dài 2m: XIG1-2m (trên trụ)	Bộ	1	
	<i>Xà thép mạ kẽm L75x75x8-2m 3 ốp</i>	<i>cây</i>	<i>2</i>	
	<i>Thanh chống mạ kẽm L60x60x6-1,132m</i>	<i>cây</i>	<i>2</i>	
	<i>Bu lông 16x50</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Bu lông 16x250</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 16x300</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 16x300VRS</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Lông đèn vuông d18 (60x60x6)</i>	<i>cái</i>	<i>8</i>	
3.5	Bộ xà nèo L75x75x8 dài 2,4m: X24-K (trên trụ ghép)	Bộ	1	
	<i>Xà thép mạ kẽm L75x75x8-2,4m 4 ốp</i>	<i>cây</i>	<i>2</i>	
	<i>Thanh chống mạ kẽm L60x60x6-0,92m</i>	<i>cây</i>	<i>4</i>	
	<i>Bu lông 16x50</i>	<i>cái</i>	<i>4</i>	
	<i>Bu lông 16x450</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Bu lông 16x450VRS	cái	2	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	10	
3.6	Bộ xà néo L75x75x8 dài 2,4m: X24-K (trên trụ đơn)	Bộ	1	
	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-2,4m 4 ốp	cây	2	
	Thanh chống mạ kẽm L60x60x6-0,92m	cây	4	
	Bu lông 16x50	cái	4	
	Bu lông 16x250	cái	1	
	Bu lông 16x300	cái	1	
	Bu lông 16x300VRS	cái	2	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	10	
3.7	Bộ xà néo L75x75x8 dài 2,4m: X24-K (trên coi)	Bộ	1	
	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-2,4m 4 ốp	cây	2	
	Thanh chống mạ kẽm L60x60x6-0,92m	cây	4	
	Bu lông 16x50	cái	4	
	Bu lông 16x350VRS	cái	2	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	8	
3.8	Bộ xà néo L75x75x8 dài 2.4m: X24-K (trên coi trụ ghép)	Bộ	1	
	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-2,4m 4 ốp	cây	2	
	Thanh chống mạ kẽm L60x60x6-0,92m	cây	4	
	Bu lông 16x50	cái	4	
	Bu lông 16x450VRS	cái	3	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	12	
3.9	Bộ ốp thân trụ (trụ đơn)	trụ	1	
	Tôn phẳng mạ kẽm 900x600 dày $\geq 0,3\text{mm}$	tấm	1	
	Dây đai	mét	2,4	
	Khóa đai	cái	2	
	Nút bịt lỗ trụ $\Phi 16\text{mm}$	cái	64	
9.10	Bộ ốp thân trụ (trụ ghép)	trụ	1	
	Tôn phẳng mạ kẽm 1600x600 dày $\geq 0,3\text{mm}$	tấm	1	
	Dây đai	mét	1,6	
	Khóa đai	cái	2	
	Keo cách điện silicon	chai	0,3	
	Nút bịt lỗ trụ $\Phi 16\text{mm}$	cái	128	
3.11	Bộ Boulon liên kết 2 bộ đà coi	Bộ	1	
	Bu lông 16x450VRS	cái	2	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	8	
3.12	Bộ Boulon ghép trụ BTLT 10m, 12m & 14m	Bộ	1	
	Bu lông 16x450VRS	cái	1	
	Bu lông 16x650VRS	cái	1	
	Bu lông 16x800VRS	cái	1	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	6	
3.13	Bộ coi đầu trụ 3m kép: COD3m-K (U120)	Bộ	1	
	Sắt U120x52x4,8 dài 3m (Sử dụng lại)	cây	2	Sử dụng lại
	Bu lông 16x350	cái	2	
	Bu lông 16x350VRS	cái	3	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	16	
3.14	Bộ xà kép L75x75x8 dài 2.4m: XHN-2,4m (tim 1,3m÷1,4m)	Bộ	1	
	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-2,4m 3 ốp	cây	2	
	Bu lông 16x250	cái	2	
	Bu lông 16x300VRS	cái	2	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	6	
3.15	Bộ chằng xuống đơn cho trụ 12m: CX12-B (lắp trên coi)	Bộ	1	
	Bu lông mắt 16x350	cái	1	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	1	
	Sứ chằng trung áp	cái	1	
	Kẹp cáp thép 3 Boulon cỡ dây TK50	cái	8	
	Dây thép trần xoắn mạ kẽm TK 50	mét	19	A cáp
	Yếm cáp	cái	2	
	Ống nhựa HDPE loại trơn Φ90 dày 3,5mm che dây chằng	mét	2	
3.16	Bộ chằng xuống đơn cho trụ 12m: CX12-PL	Bộ	1	
	Thanh nối mạ kẽm PL60x6-780	cây	2	
	Bu lông 16x350VRS	cái	1	
	Bu lông 16x100VRS	cái	1	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	4	
	Sứ chằng trung áp	cái	1	
	Kẹp cáp thép 3 Boulon cỡ dây TK50	cái	8	
	Dây thép trần xoắn mạ kẽm TK 50	mét	19	A cáp
	Yếm cáp	cái	2	
	Ống nhựa HDPE loại trơn Φ90 dày 3,5mm che dây chằng	mét	2	
4	Phần dây, sứ và phụ kiện ĐDTT 3 pha sửa chữa			
4.1	Bộ Uclevis + Sứ ống chỉ (trụ đơn)	bộ	27	
	Uclevis	cái	27	
	Sứ ống chỉ	cái	27	
	Bu lông 16x300	cái	27	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	27	
4.2	Bộ Uclevis đỡ dây trung hòa vào trụ đơn: Đth-Uđ	bộ	15	
	Uclevis	cái	15	
	Sứ ống chỉ	cái	15	
	Bu lông 16x300	cái	15	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	15	
4.3	Bộ Uclevis đỡ dây trung hòa vào trụ ghép: Đth-Ug	bộ	6	
	Uclevis	cái	6	
	Sứ ống chỉ	cái	6	
	Bu lông 16x600	cái	6	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	6	
4.4	Bộ Uclevis néo dây trung hòa vào trụ ghép: Nth-Ug	bộ	10	
	Uclevis	cái	10	
	Sứ ống chỉ	cái	10	
	Bu lông 16x600	cái	10	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	<i>Kẹp cáp nhôm 2 bu lông cỡ 25-70mm²</i>	<i>cái</i>	20	
	<i>Lông đèn vuông d18 (60x60x6)</i>	<i>cái</i>	10	
4.5	Bộ Uclevis néo dây trung hòa vào trụ đơn: Nth-U	bộ	9	
	<i>Uclevis</i>	<i>cái</i>	9	
	<i>Sứ ống chỉ</i>	<i>cái</i>	9	
	<i>Bu lông 16x300</i>	<i>cái</i>	9	
	<i>Lông đèn vuông d18 (60x60x6)</i>	<i>cái</i>	9	
	<i>Kẹp cáp nhôm 2 bu lông cỡ 25-70mm²</i>	<i>cái</i>	18	
4.6	Bộ sứ đứng 24kV: SĐU 24	bộ	353	
	<i>Sứ đứng 24KV</i>	<i>cái</i>	353	
	<i>Ty sứ đứng 24kV (bọc chì)</i>	<i>cái</i>	353	
4.7	Bộ sứ đứng 35kV: SĐU 35	bộ	33	
	<i>Sứ đứng 35KV</i>	<i>cái</i>	33	
	<i>Ty sứ đứng 35kV (bọc chì)</i>	<i>cái</i>	33	
4.8	Bộ sứ đỉnh đỡ thẳng 24kV: SDI	bộ	4	
	<i>Sứ đứng 24KV</i>	<i>cái</i>	4	
	<i>Chân sứ đỉnh thẳng dài 870mm (bọc chì)</i>	<i>cái</i>	4	
	<i>Bu lông 16x300</i>	<i>cái</i>	8	
	<i>Lông đèn vuông d18 (60x60x6)</i>	<i>cái</i>	8	
4.9	Bộ sứ đỉnh đỡ thẳng 24kV: SDG	bộ	1	
	<i>Sứ đứng 24KV</i>	<i>cái</i>	1	
	<i>Chân sứ đỉnh cong dài 870mm (bọc chì)</i>	<i>cái</i>	1	
	<i>Bu lông 16x300</i>	<i>cái</i>	2	
	<i>Lông đèn vuông d18 (60x60x6)</i>	<i>cái</i>	2	
4.10	Bộ sứ treo polymer néo đơn 35kV lắp vào xà: CĐT Poly-Xđ (sử dụng khóa néo dây 50-70)	chuỗi	6	
	<i>Sứ néo polymer 35kV-70kN</i>	<i>chuỗi</i>	6	
	<i>Móc treo chữ U (loại chốt bu lông)</i>	<i>cái</i>	12	
	<i>Khóa néo dây 50-70mm²</i>	<i>cái</i>	6	
4.11	Bộ sứ treo polymer néo đơn 24kV lắp vào xà : CĐT Poly-Xđ (sử dụng khóa néo 50-70)	bộ	87	
	<i>Sứ néo polymer 24kV-70kN</i>	<i>chuỗi</i>	87	
	<i>Móc treo chữ U (loại chốt bu lông)</i>	<i>cái</i>	174	
	<i>Khóa néo dây 50-70mm²</i>	<i>cái</i>	87	
4.12	Bộ sứ treo polymer néo đơn 35kV lắp vào xà: CĐT Poly-Xđ (sử dụng giáp núu dây ACXH50)	bộ	9	
	<i>Sứ néo polymer 35kV-70kN</i>	<i>chuỗi</i>	9	
	<i>Móc treo chữ U (loại chốt bu lông)</i>	<i>cái</i>	18	
	<i>Bộ yếm cáp + U giáp núu</i>	<i>cái</i>	9	
	<i>Giáp núu dây bọc ACXH 50mm²</i>	<i>bộ</i>	9	
4.13	Giáp núu dây ACXH70	bộ	36	
	<i>Móc treo chữ U (loại chốt bu lông)</i>	<i>cái</i>	72	
	<i>Bộ yếm cáp + U giáp núu</i>	<i>cái</i>	36	
	<i>Giáp núu dây bọc ACXH 70mm²</i>	<i>bộ</i>	36	
4.14	Bộ sứ treo polymer néo đơn 24kV lắp vào xà: CĐT Poly-Xđ (sử dụng giáp núu dây ACXH70)	bộ	54	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Sứ néo polymer 24kV-70kN	chuỗi	54	
	Móc treo chữ U (loại chốt bu lông)	cái	108	
	Bộ yếm cáp + U giáp núu	cái	54	
	Giáp núu dây bọc ACXH 70mm ²	bộ	54	
4.15	Bộ sứ treo polymer néo đơn 24kV lắp vào xà: CĐT Poly-Xd (sử dụng giáp núu dây ACXH50)	bộ	12	
	Sứ néo polymer 24kV-70kN	chuỗi	12	
	Móc treo chữ U (loại chốt bu lông)	cái	24	
	Bộ yếm cáp + U giáp núu	cái	12	
	Giáp núu dây bọc ACXH 50mm ²	bộ	12	
	Cáp duplex ruột đồng cách điện PVC 0,6/1kV [DuCV] - 2x6mm ²	mét	229	A cấp
	Kẹp WR 279 (50-70/50-70)	cái	72	
	Kẹp WR 259 (25-50/25-50)	cái	18	
	Kẹp quai ép đồng nhôm 2/0	cái	61	
	Kẹp hotline 2/0	cái	41	
	Dây đồng bọc cách điện XLPE vỏ HDPE 24kV [CXH] loại chống thấm nước CXH-25mm ²	mét	39	A cấp
	Dây nhôm lõi thép bọc chống thấm Cách điện XLPE, vỏ HDPE 24 kV [ACXH]-50/8 (Dây đầu nối đầu nhánh)	mét	9	A cấp
	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 70mm ² (Dây xuống thiết bị)	mét	31	A cấp
	Dây nhôm lõi thép bọc chống thấm Cách điện XLPE, vỏ HDPE 24 kV [ACXH]-70/11 (Dây xuống thiết bị)	mét	12	A cấp
4.16	Bộ ống nối căng dây trần AC-50 + ép dây tăng cường	bộ	4	
	Ống nối căng dây nhôm lõi thép (ACSR) 50mm ²	ống	4	
	Dây nhôm trần lõi thép [As/ACSR]-50/8	kg	0,8	A cấp
	Kẹp cáp nhôm 2 bu lông cỡ 25-70mm ²	cái	16,0	
4.17	Bộ ống nối căng dây trần AC-70 + ép dây tăng cường	bộ	11	
	Ống nối căng dây nhôm lõi thép (ACSR) 70mm ²	ống	11	
	Dây nhôm trần lõi thép [As/ACSR]-70/11	kg	3,0	A cấp
	Kẹp cáp nhôm 3 bu lông cỡ 25-150mm ²	cái	44	
	Đầu cosse Cu/Al 95mm ²	cái	7	
	Đầu cosse Cu/Al 70mm ²	cái	3	
	Giáp buộc đầu sứ đơn composite 35-50mm ² (bán dẫn)	cái	11	
	Giáp buộc đầu sứ đơn composite 70-95mm ² (bán dẫn)	cái	85	
	Giáp buộc cổ sứ đôi composite 70-95mm ² (bán dẫn)	bộ	42	
	Bu lông 16x300	cái	12	
	Bu lông 16x350	cái	2	
	Bu lông 16x500	cái	16	
	Bu lông móc 16x500	cái	9	
	Bu lông móc 16x300	cái	4	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	54	
	Băng keo cách điện hạ thế	cuộn	49	
	Băng keo cách điện trung thế	cuộn	7	
	Nắp chụp kẹp quai chuyên dụng	cái	21	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Ống PVC Φ34 dày 1,9mm	mét	25	
	Ống PVC Φ49 dày 2,1mm	mét	41	
	Ống PVC Φ90 dày 2,6mm	mét	6	
	Ống PVC Φ140 dày 4,1mm	mét	148	
	Dây đai	mét	84	
	Dây nhôm buộc (A-50)	kg	72	
	Biển số - Bảng nguy hiểm	cái	116	
	Kẹp cáp nhôm 2 bu lông cỡ 25-70mm ²	cái	4	
	Kẹp treo cáp ABC 4x50-95mm ²	cái	1	
	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35 mm ²	cái	108	
III	Công trình: Sửa chữa lưới điện hạ thế khu vực huyện Thanh Bình (năm 2026)			
A	Phần hạ thế hỗn hợp:			
1	Phần xà, néo			
1.1	Bộ xà đỡ đơn L75x75x8 dài 0,8m: X08-Đ		1	
	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-0,8m 1 óp	cây	1	
	Thanh chống mạ kẽm L60x60x6-0,7m	cây	1	
	Bu lông 16x300	cái	2	
	Bu lông 16x50	cái	1	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	3	
1.2	Phần dây, sứ và phụ kiện ĐDHT hỗn hợp sửa chữa			
	Uclevis	cái	1	
	Sứ ống chỉ	cái	1	
	Kẹp treo cáp ABC 4x50-95mm ²	cái	18	
	Kẹp ngừng cáp ABC 4x50-95mm ²	cái	34	
	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35 mm ²	cái	140	
	Kẹp WR 259 (25-50/25-50)	cái	58	
	Đầu cosse Cu/Al 70mm ²	cái	20	
	Bu lông 16x100	cái	1	
	Bu lông móc 16x100	cái	1	
	Bu lông móc 16x200	cái	4	
	Bu lông móc 16x300	cái	46	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	52	
	Băng keo cách điện hạ thế	cuộn	5	
	Hộp 4 công tơ 1 pha composite ngoài trời (kèm theo 04 MCB, bass, dây đai + khóa đai)	bộ	3	
	Hộp phân phối 6 cực (bao gồm MCB 63A và phụ kiện)	cái	19	
	Biển số - Bảng nguy hiểm	cái	17	
B	Phần hạ thế độc lập:			
1	Phần móng trụ, tiếp địa:			
1.1	Móng trụ bê tông đơn: M8-1bt	Móng	1	
	Sắt tròn Φ6 (2,49 x 1,005)	kg	3,00	
	Cát vàng (0,528/1m ³ x 1,025)	m ³	0,09	
	Đá 1x2 (0,871/1m ³ x 1,025)	m ³	0,14	
	Xi măng PCB 40 (259kg/1m ³ x 1,025)	kg	42	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Nước (183 lít/m ³ x 1,025)	lít	30	
	Lắp ván khuôn thép móng cột	m ²	0,60	
1.2	Móng trụ bê tông ghép: M8-2bt	Móng	1	
	Sắt tròn Φ6 (4,53 x 1,005)	kg	4,55	
	Cát vàng (0,528/1m ³ x 1,025)	m ³	0,23	
	Đá 1x2 (0,871/1m ³ x 1,025)	m ³	0,38	
	Xi măng PCB 40 (259kg/1m ³ x 1,025)	kg	114	
	Nước (183 lít/m ³ x 1,025)	lít	81	
	Lắp ván khuôn thép móng cột	m ²	1,92	
1.3	Móng trụ bê tông đơn: M10-1bt	Móng	1	
	Sắt tròn Φ6 (4,53 x 1,005)	kg	4,55	
	Cát vàng (0,528/1m ³ x 1,025)	m ³	0,19	
	Đá 1x2 (0,871/1m ³ x 1,025)	m ³	0,32	
	Xi măng PCB 40 (259kg/1m ³ x 1,025)	kg	96,00	
	Nước (183 lít/m ³ x 1,025)	lít	68,0	
	Lắp ván khuôn thép móng cột	m ²	1,80	
1.4	Móng trụ bê tông đơn: M10-2bt	Móng	1	
	Sắt tròn Φ6 (16,69x 1,005)	kg	16,77	
	Cát vàng (0,528/1m ³ x 1,025)	m ³	0,43	
	Đá 1x2 (0,871/1m ³ x 1,025)	m ³	0,71	
	Xi măng PCB 40 (259kg/1m ³ x 1,025)	kg	212	
	Nước (183 lít/m ³ x 1,025)	lít	150	
	Lắp ván khuôn thép móng cột	m ²	3,00	
1.5	Bộ móng neo 1200x200 cho chằng xuống: MN12-2	Bộ	1	
	Thanh neo Φ16x2400	cái	1	
	Lông đèn vuông d24 (80x80x6)	cái	1	
	Đế neo BTCT 200x1200	cái	1	
1.6	Tiếp địa lặp lại (trụ 8,5m)	bộ	1	
	Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm ²	kg	0,50	A cấp
	Cọc tiếp đất Φ16-2,4m	cọc	1	
	Bu lông 16x25	cái	2	
	Bu lông 12x30	cái	1	
	Lông đèn tròn d12	cái	2	
	Lông đèn vuông d14 (50x50x5)	cái	1	
	Kẹp WR 259 (25-50/25-50)	cái	2	
	Đầu cosse Cu 50mm ²	cái	3	
1.7	Tiếp địa lặp lại luôn trong lòng trụ (trụ 10,5m)	bộ	1	
	Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm ²	kg	2,10	A cấp
	Cọc tiếp đất Φ16-2,4m	cọc	1	
	Bu lông 12x30	cái	1	
	Lông đèn tròn d12	cái	2	
	Lông đèn vuông d14 (50x50x5)	cái	1	
	Đầu cosse Cu 50mm ²	cái	1	
	Kẹp WR 259 (25-50/25-50)	cái	2	
2	Phần cột			

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2.1	Cột bê tông ly tâm 8,5m	Cột	1	
	<i>Cột BTLT 8,5m-3kNkg (có dây tiếp địa) k = 2</i>	<i>cột</i>	<i>1</i>	
2.2	Cột bê tông ly tâm 8,5m (thủ công + cơ giới)	Cột	1	
	<i>Cột BTLT 8,5m-3kNkg (có dây tiếp địa) k = 2</i>	<i>cột</i>	<i>1</i>	
2.3	Cột bê tông ly tâm 10m	Cột	1	
	<i>Cột BTLT 10m-3,5kN (có dây tiếp địa) k = 2</i>	<i>cột</i>	<i>1</i>	
3	Phần xà, néo			
3.1	Bộ boulon ghép trụ BTLT 7,5m-8,5m	Bộ	1	
	<i>Bu lông 16x400VRS</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 16x450VRS</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 16x550VRS</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Lông đèn vuông d18 (60x60x6)</i>	<i>cái</i>	<i>6</i>	
3.2	Bộ boulon ghép trụ BTLT 10m	Bộ	1	
	<i>Bu lông 16x450VRS</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 16x650VRS</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 16x800VRS</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Lông đèn vuông d18 (60x60x6)</i>	<i>cái</i>	<i>6</i>	
3.3	Bộ coi đầu trụ 2m đơn: COD2m-Đ (U120)	Bộ	1	
	<i>Sắt U120x52x4,8 dài 2m</i>	<i>cây</i>	<i>1</i>	
	<i>Bu lông 16x300</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Lông đèn vuông d18 (60x60x6)</i>	<i>cái</i>	<i>4</i>	
3.4	Bộ chằng xuống đơn cho trụ 10,5m: CX10-B	Bộ	1	
	<i>Bu lông mắt 16x250</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Lông đèn vuông d18 (60x60x6)</i>	<i>cái</i>	<i>1</i>	
	<i>Sứ chằng hạ áp</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Kẹp cáp thép 3 boulon cỡ dây TK35</i>	<i>cái</i>	<i>4</i>	
	<i>Dây thép trần xoắn mạ kẽm TK-35</i>	<i>mét</i>	<i>16</i>	
	<i>Yếm cáp</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Ống nhựa HDPE loại trơn Φ90 dày 3,5mm che dây chằng</i>	<i>mét</i>	<i>2</i>	
4	Phần dây, sứ và phụ kiện ĐDHT độc lập sửa chữa			
	<i>Uclevis</i>	<i>cái</i>	<i>29</i>	
	<i>Sứ ống chỉ</i>	<i>cái</i>	<i>29</i>	
	<i>Kẹp treo cáp ABC 4x50-95mm²</i>	<i>cái</i>	<i>28</i>	
	<i>Kẹp ngừng cáp ABC 4x50-95mm²</i>	<i>cái</i>	<i>14</i>	
	<i>Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35 mm²</i>	<i>cái</i>	<i>152</i>	
	<i>Kẹp WR 259 (25-50/25-50)</i>	<i>cái</i>	<i>56</i>	
	<i>Kẹp WR 279 (50-70/50-70)</i>	<i>cái</i>	<i>4</i>	
	<i>Kẹp WR 379 (25-50/70-95)</i>	<i>cái</i>	<i>4</i>	
	<i>Đầu cosse Cu/Al 95mm²</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Bu lông 16x100</i>	<i>cái</i>	<i>3</i>	
	<i>Bu lông 16x200</i>	<i>cái</i>	<i>18</i>	
	<i>Bu lông 16x250</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Bu lông 16x400</i>	<i>cái</i>	<i>4</i>	
	<i>Bu lông 16x500</i>	<i>cái</i>	<i>2</i>	
	<i>Bu lông móc 16x100</i>	<i>cái</i>	<i>6</i>	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Bu lông móc 16x200	cái	19	
	Bu lông móc 16x250	cái	10	
	Bu lông móc 16x300	cái	2	
	Bu lông móc 16x400	cái	4	
	Bu lông móc 16x500	cái	1	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	72	
	Băng keo cách điện hạ thế	cuộn	12	
	Dây đai	mét	22	
	Ống PVC Φ34 dày 1,9mm	mét	48	
	Hộp 4 công tơ 1 pha composite ngoài trời (kèm theo 04 MCB, bass, dây đai + khóa đai)	bộ	6	
	Hộp phân phối 6 cực (bao gồm MCB 63A và phụ kiện)	cái	21	
	Biển số - Bảng nguy hiểm	cái	28	
IV	Công trình: Sửa chữa lưới điện trung thế khu vực huyện Tam Nông (năm 2026)			
1	Phần móng trụ, tiếp địa:			
1.1	Móng trụ bê tông đơn hiện hữu gia cố: M12-1bt (gia cố)	Móng	1	
	Cát vàng (0,528/1m ³ x 1,025)	m ³	0,110	
	Đá 1x2 (0,871/1m ³ x 1,025)	m ³	0,190	
	Xi măng PCB 40 (259kg/1m ³ x 1,025)	kg	56	
	Nước (183 lít/m ³ x 1,025)	lít	39	
	Lắp ván khuôn thép móng cột	m ²	1,920	
1.2	Móng trụ bê tông đơn: M12-1bt	Móng	1	
	Sắt tròn Φ6 (4,53 x 1,005)	kg	4,550	
	Cát vàng (0,528/1m ³ x 1,025)	m ³	0,230	
	Đá 1x2 (0,871/1m ³ x 1,025)	m ³	0,370	
	Xi măng PCB 40 (259kg/1m ³ x 1,025)	kg	111	
	Nước (183 lít/m ³ x 1,025)	lít	79	
	Lắp ván khuôn thép móng cột	m ²	2,160	
1.3	Móng trụ bê tông ghép: M12-2bt	Móng	1	
	Sắt tròn Φ6 (x 1,005)	kg	16,770	
	Cát vàng (0,528/1m ³ x 1,025)	m ³	0,420	
	Đá 1x2 (0,871/1m ³ x 1,025)	m ³	0,700	
	Xi măng PCB 40 (259kg/1m ³ x 1,025)	kg	207	
	Nước (183 lít/m ³ x 1,025)	lít	146	
	Lắp ván khuôn thép móng cột	m ²	3,000	
1.4	Móng trụ bê tông ghép: M14-2bt	Móng	1	
	Sắt tròn Φ6 (16,69 x 1,005)	kg	16,770	
	Cát vàng (0,528/1m ³ x 1,025)	m ³	0,410	
	Đá 1x2 (0,871/1m ³ x 1,025)	m ³	0,680	
	Xi măng PCB 40 (259kg/1m ³ x 1,025)	kg	202	
	Nước (183 lít/m ³ x 1,025)	lít	143	
	Lắp ván khuôn thép móng cột	m ²	3,000	
1.5	Tiếp địa lặp lại luôn trong lòng trụ (trụ 12m)	bộ	1	
	Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm ²	kg	2,44	A cấp

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Cọc tiếp đất $\Phi 16-2,4m$	cọc	2	
	Bu lông 12x30	cái	1	
	Lông đèn tròn d12	cái	2	
	Lông đèn vuông d14 (50x50x5)	cái	1	
	Kẹp WR 259 (25-50/25-50)	cái	2	
	Đầu cosse Cu 50mm ²	cái	1	
2	Phần cột			
2.1	Cột bê tông ly tâm 12m	Cột	1	
	Cột BTLT 12m-5,4kN (có dây tiếp địa) k = 2	cột	1	
2.2	Cột bê tông ly tâm 14m	Cột	1	
	Cột BTLT 14m-6,5kN (có dây tiếp địa) k = 2	cột	1	
3	Phần xà, nèo			
3.1	Bộ xà nèo L75x75x8 dài 2,4m: X24-K	Bộ	1	
	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-2,4m 4 ốp	cây	2	
	Thanh chống mạ kẽm L60x60x6-0,92m	cây	4	
	Bu lông 16x50	cái	4	
	Bu lông 16x250	cái	1	
	Bu lông 16x300	cái	1	
	Bu lông 16x300VRS	cái	2	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	10	
3.2	Bộ xà nèo kép L75x75x8 dài 2,4m: X24-K (trên cơi)	Bộ	1	
	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-2,4m 4 ốp	cây	2	
	Thanh chống mạ kẽm L60x60x6-0,92m	cây	4	
	Bu lông 16x50	cái	4	
	Bu lông 16x350VRS	cái	2	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	8	
3.3	Bộ ốp tole thân trụ	Bộ	1	
	Tôn phẳng mạ kẽm 900x600 dày $\geq 0,3mm$	tấm	1	
	Nút bịt lỗ trụ $\Phi 16mm$	cái	64	
	Dây đai	mét	2,4	
	Khóa đai	cái	2	
4	Phần dây, sứ và phụ kiện ĐDTT 3 pha sửa chữa			
4.1	Bộ Uclevis đỡ dây trung hòa vào trụ đơn: Đth-Uđ	bộ	85	
	Uclevis	cái	85	
	Sứ ống chỉ	cái	85	
	Bu lông 16x300	cái	85	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	85	
	Kẹp cáp nhôm 2 bu lông cỡ 25-70mm ²	cái	85	
4.2	Bộ Uclevis nèo dây trung hòa vào trụ: Nth-U	bộ	36	
	Uclevis	cái	36	
	Sứ ống chỉ	cái	36	
	Bu lông 16x300	cái	36	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	36	
	Kẹp cáp nhôm 2 bu lông cỡ 25-70mm ²	cái	72	
4.3	Bộ sứ đứng 24kV: SĐU 24	bộ	251	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Sứ đứng 24KV	cái	251	
	Ty sứ đứng 24kV (bọc chì)	cái	251	
4.4	Bộ sứ đỉnh đỡ thẳng 24kV: SDI	bộ	26	
	Sứ đứng 24KV	cái	26	
	Chân sứ đỉnh thẳng dài 870mm (bọc chì)	cái	26	
	Bu lông 16x300	cái	52	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	52	
4.5	Bộ sứ đỉnh đỡ góc 24kV: SDG 24	bộ	4	
	Sứ đứng 24KV	cái	8	
	Chân sứ đỉnh cong dài 870mm (bọc chì)	cái	8	
	Bu lông 16x350VRS	cái	4	
	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	cái	16	
4.6	Chuỗi sứ treo polymer néo đơn 24kV lắp vào xà: CĐT Poly-Xđ (sử dụng khóa néo dây 50-70)	chuỗi	90	
	Sứ néo polymer 24kV-70kN	chuỗi	90	
	Móc treo chữ U (loại chốt bu lông)	cái	180	
	Khóa néo dây 50-70mm2	cái	90	
4.7	Chuỗi sứ treo polymer néo kép 24kV lắp vào xà: CĐT Poly-Xđ (sử dụng khóa néo 50-70)	chuỗi	15	
	Sứ néo polymer 24kV-70kN	chuỗi	30	
	Móc treo chữ U (loại chốt bu lông)	cái	150	
	Khánh tam giác đơn (L300) loại 70KN	cái	150	
	Khóa néo dây 50-70mm2	cái	15	
	Cáp duplex ruột đồng cách điện PVC 0,6/1kV [DuCV] - 2x11mm2	mét	376	A cấp
	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35 mm2	cái	120	
	Hộp 4 công tơ 1 pha composite ngoài trời (kèm theo 04 MCB 32A, bass, dây đai + khóa đai)	bộ	21	
	Kẹp WR 279 (50-70/50-70)	cái	140	
	Hộp 1 công tơ 3 pha composite ngoài trời (kèm theo bass, dây đai + khóa đai)	bộ	1	
	Thùng lắp MCCB 3 pha composite	tủ	4	
	Kẹp quai ép đồng nhôm 4/0	cái	55	
	Kẹp hotline 4/0	cái	28	
4.8	Ống nối căng dây nhôm lõi thép (ACSR) 50mm2 + kẹp dây tăng cường	bộ	7	
	Ống nối căng dây nhôm lõi thép (ACSR) 50mm2	ống	7	
	Dây nhôm trần lõi thép [As/ACSR]-50/8	kg	1,4	A cấp
	Kẹp cáp nhôm 2 bu lông cỡ 25-70mm2	cái	28,0	
4.9	Ống nối căng dây nhôm lõi thép (ACSR) 70mm2 + kẹp dây tăng cường	bộ	21	
	Ống nối căng dây nhôm lõi thép (ACSR) 70mm2	ống	21	
	Dây nhôm trần lõi thép [As/ACSR]-70/11	kg	5,8	A cấp
	Kẹp cáp nhôm 2 bu lông cỡ 25-70mm2	cái	84	
	Băng keo cách điện hạ thế	cuộn	27	
	Ống PVC Φ34 dày 1,9mm	mét	326	
	Ống PVC Φ49 dày 2,1mm	mét	76	

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Ống PVC Ø90 dày 2,6mm	mét	15	
	Ống PVC Ø140 dày 4,1mm	mét	132	
	Biên số - Bảng nguy hiểm	cái	103	

VI. Chi phí phục vụ bàn giao hiện trường thi công công trình:

1. Nhà thầu thực hiện chi trả chi phí thử điện, tiếp đất bàn giao hiện trường lưới điện; Chi phí ngừng và cấp điện trở lại do Đơn vị Quản lý vận hành lập dự toán theo quy định hiện hành. Trường hợp vượt số lần thực hiện, tăng chi phí thì nhà thầu tự cân đối tài chính thực hiện, Chủ đầu tư không tính phát sinh cho công tác này.

2. Nhà thầu căn cứ số lần cắt điện thi công ở **Mục II: Yêu cầu về tiến độ thực hiện** của Chương này để tính toán nhân lực và thời gian đăng ký với đơn vị quản lý vận hành lưới điện.

Ghi chú:

Các công tác có liên quan đến biện pháp tổ chức thi công, tổ chức công trường, thí nghiệm mẫu các loại... nhà thầu tính toán và đưa toàn bộ vào giá chào thầu.

Giá dự thầu: Nhà thầu phải ghi đơn giá và thành tiền cho các hạng mục công việc nêu trong Bảng tiên lượng mời thầu. Đơn giá dự thầu phải bao gồm các yếu tố cấu thành đơn giá dự thầu, chẳng hạn đơn giá dự thầu là đơn giá tổng hợp đầy đủ bao gồm: chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy, các chi phí trực tiếp khác; chi phí chung, thuế; các chi phí xây lắp khác được phân bổ trong đơn giá dự thầu như xây bến bãi, nhà ở công nhân, kho xưởng, điện, nước thi công, kể cả việc sửa chữa đèn bù đường có sẵn mà xe, thiết bị thi công của nhà thầu thi công vận chuyển vật liệu đi lại trên đó, các chi phí bảo vệ môi trường, cảnh quan do đơn vị thi công gây ra...

Những công việc đã được mô tả trong yêu cầu kỹ thuật và thiết kế mà không nêu đầy đủ trong bảng tiên lượng, những công việc mang tính chất phục vụ cho biện pháp thi công của nhà thầu (kể cả vật tư, phụ kiện khác) để thực hiện hoàn thành mỗi nội dung công việc trong tiên lượng, thì được hiểu là nhà thầu phải thực hiện và các chi phí này đã nằm trong giá dự thầu.

[Trường hợp bảng tiên lượng mời thầu bao gồm các hạng mục về bố trí lán trại, chuyên quân, chuyển máy móc, thiết bị... thì nhà thầu không phải phân bổ các chi phí này vào trong các đơn giá dự thầu khác mà được chào cho từng hạng mục này].

Ngoài ra phần chi phí thí nghiệm vật liệu, cốt liệu (cát, đá, xi măng), cường độ thép, cường độ nén bê tông, đầm nén đất được thực hiện bởi đơn vị thử nghiệm độc lập do nhà thầu chịu.

VII. Các nội dung công tác liên quan đến thi công và quản lý chất lượng công trình:

1. Công tác chuẩn bị để khởi công công trình:

Sau khi nhận bàn giao mặt bằng công trình, Nhà thầu có trách nhiệm quản lý tim mốc, mặt bằng công trình do Chủ đầu tư giao. Chậm nhất trong vòng 07 ngày, Nhà thầu kiểm tra lại các tim mốc do Chủ đầu tư giao và báo cáo các trở ngại nếu có cho Chủ đầu tư trước khi thi công.

2. Công tác thi công công trình:

a) Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Đơn vị Tư vấn giám sát, Đơn vị quản lý dự án thời gian thi công các phần khuất lấp như đào đặt móng, lắp dựng cốt thép và đổ bê tông, tiếp địa, v.v, đề tổ chức theo dõi, nghiệm thu, chuyên bước thi công theo quy định.

b) Trường hợp quá trình thi công, vận chuyển VTTB Nhà thầu làm hư hại các công trình công cộng của địa phương, của chủ đầu tư và các hộ dân khác như đường giao thông

lát dale bê tông, cống, cầu, v.v..., thì Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho địa phương, chủ đầu tư và các hộ dân đó.

c) Trong quá trình thi công nếu mặt bằng thi công vi phạm lộ giới hoặc vướng mắc liên quan đến bồi thường GPMB thì Nhà thầu phải báo cáo cho Chủ đầu tư để phối hợp với Tư vấn và chính quyền địa phương có biện pháp giải quyết. Việc thay đổi so với thiết kế đều phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư trước khi thực hiện. Việc điều chỉnh thiết kế và phát sinh phải được lập Biên bản tại hiện trường có xác nhận của Đơn vị TVGS, giám sát B, Tư vấn thiết kế (nếu có), Đơn vị QLDA.

d) Công tác thu hồi VTTB:

- Trước khi tiến hành thi công các hạng mục cải tạo, Nhà thầu phối hợp cùng với Đơn vị TVGS, Đơn vị QLDA tiến hành kiểm tra và lập biên bản thống kê vật tư thu hồi trước và sau khi tháo dỡ. Khi tháo dỡ VTTB thu hồi, Nhà thầu phải tháo dỡ nguyên hiện trạng có sự giám sát của Đơn vị QLDA và vận chuyển ngay về kho Chủ đầu tư để làm các thủ tục đánh giá VTTB thu hồi và nhập kho theo quy định. Nhà thầu không tự ý cắt vụn dây dẫn hoặc làm hư hỏng hay thất thoát VTTB thu hồi.

- Nhà thầu có trách nhiệm bảo quản, thông báo thời gian và khối lượng VTTB bàn giao từng đợt để Đơn vị QLDA bố trí cán bộ phối hợp và kho bãi tiếp nhận. Đối với vật tư thu hồi do Nhà thầu làm thất thoát, Nhà thầu có trách nhiệm bồi hoàn vật tư mới hoặc bằng tiền theo giá tại thời điểm bồi hoàn do Chủ đầu tư quyết định và phải hoàn trả trước khi quyết toán đợt cuối.

e) Khi thực hiện kéo dây, Nhà thầu phải tính toán chiều dài thực tế các bành cáp được cấp và chiều dài các khoảng néo dây để rà soát, cân đối sử dụng hợp lý, hạn chế tối đa việc cắt vụn dây dẫn.

f) Thực hiện các biện pháp hợp lý để đảm bảo công trường và công trình gọn gàng, nhằm tránh gây nguy hiểm cho tất cả mọi người trong khu vực thi công và vùng lân cận.

g) Đăng ký danh sách cán bộ, nhân viên trong đội công tác tham gia thi công (ghi rõ trình độ chuyên môn, bậc an toàn, người chỉ huy trưởng, người cấp phiếu công tác, người lãnh đạo công việc, người giám sát an toàn và những người trực tiếp thực hiện đấu nối công trình vào lưới điện hiện hữu) với đơn vị quản lý vận hành lưới điện khu vực có công trình.

h) Lập thủ tục xin phép thi công khi sử dụng phương tiện thi công trên đường bộ (nếu có). Trong quá trình triển khai thi công, phải thông báo cho chính quyền địa phương thời gian, địa điểm, kế hoạch thi công; đồng thời làm biển báo đặt tại công trường ghi tên công trình, chủ đầu tư, đơn vị quản lý, đơn vị thi công, số điện thoại liên hệ. Nếu công trình có ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (đường dây thông tin, đèn đường, cáp viễn thông, cấp thoát nước...) thì Bên B phải thông báo cho các đơn vị quản lý các công trình này trước 05 ngày kể từ ngày tiến hành thi công để cùng phối hợp đồng bộ thực hiện. Trong trường hợp xảy ra các hư hỏng, sự cố do không phối hợp hoặc phối hợp không đồng bộ, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Tất cả chi phí này không tính phát sinh thêm trong gói thầu.

i) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm cùng chính quyền địa phương vận động nhân nhân đốn, mé cây giải phóng mặt bằng phục vụ thi công. Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện công tác đốn, mé cây giải phóng mặt bằng đảm bảo hành lang an toàn theo quy định.

3. Về công tác quản lý chất lượng:

a) Nhà thầu trình Chủ đầu tư các hồ sơ: Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình và Biện pháp thi công, trong đó quy định cụ thể các giải pháp thi công và biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình.

b) Lập và thông báo cho Chủ đầu tư hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng công trình. Hệ thống quản lý chất lượng công trình của nhà thầu

phải phù hợp với quy mô công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, các nhân đối với công tác quản lý chất lượng công trình của nhà thầu.

c) Nhà thầu trao đổi với Chủ đầu tư để thực hiện thi công phù hợp với nội dung yêu cầu kỹ thuật, trường hợp các nội dung công việc được thi công không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật thì Chủ đầu tư sẽ không nghiệm thu và Nhà thầu phải sửa chữa lại, chi phí sửa chữa do Nhà thầu chịu.

4. Những yêu cầu về công tác an toàn lao động:

a) Nhân viên làm xây lắp của Nhà thầu phải được huấn luyện, sát hạch đạt yêu cầu về trình độ an toàn và phải có thẻ an toàn theo quy định hiện hành.

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn lao động của nhân viên mình khi thực hiện thi công công trình; phải trang bị đầy đủ dụng cụ an toàn và bảo hộ lao động, có biện pháp cảnh giới, cảnh báo, rào chắn các loại, ... để ngăn ngừa tai nạn lao động.

c) Trước khi khởi công xây dựng công trình, nhà thầu tổ chức lập, trình Chủ đầu tư chấp thuận kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động để Chủ đầu tư xem xét điều chỉnh phù hợp với thực tế thi công trên công trường.

d) Khi lập phương án thi công tổng thể, Nhà thầu phải đăng ký danh sách công nhân kèm theo chứng chỉ hoặc chứng nhận đã được huấn luyện và được cấp thẻ an toàn điện. Khi đăng ký công tác với Đơn vị QL VH, Nhà thầu phải đăng ký danh sách công nhân có tên trong phương án thi công tổng thể được Chủ đầu tư ký duyệt (photo kèm theo thẻ an toàn khi đăng ký công tác), trường hợp có thay đổi, bổ sung Nhà thầu phải gửi văn bản cho Chủ đầu tư (trước 02 ngày làm việc) kèm theo các hồ sơ như trên và phải được chấp thuận trước khi thực hiện công tác.

e) Nhà thầu phải tuân thủ về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình theo quy định hiện hành.

5. Cấp phát vật tư thiết bị A cấp:

a) Chủ đầu tư sẽ cấp VTTB A cấp sau khi bàn giao mặt bằng thi công và theo tiến độ thi công trên công trường. Khi hoàn tất công trình, nếu Nhà thầu không hoàn trả được phần VTTB A cấp sử dụng thừa bằng hiện vật cho Chủ đầu tư thì phải bồi thường cho Chủ đầu tư theo giá thị trường do Chủ đầu tư quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá trị xuất kho của Chủ đầu tư), cộng thêm các chi phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi, v.v. được tính chung là 10%. Nhà thầu phải hoàn trả cho Chủ đầu tư giá trị bồi thường trước khi quyết toán đợt cuối.

b) Sau khi nhận phiếu xuất VTTB A cấp của Chủ đầu tư, trong vòng 01 ngày làm việc Nhà thầu phải bố trí phương tiện tiếp nhận VTTB A cấp tại kho Chủ đầu tư. Nhà thầu có trách nhiệm bảo quản vật tư A cấp từ lúc tiếp nhận đến khi nghiệm thu đóng điện, bàn giao công trình đúng theo quy định và theo khuyến cáo của nhà cung cấp, tránh mọi hư hỏng hoặc làm giảm giá trị của VTTB.

c) Nhà thầu bố trí kho bãi với diện tích đủ để bảo quản VTTB, thông báo địa điểm cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư bất kỳ thời điểm nào có quyền kiểm tra VTTB A cấp bảo quản tại kho bên B.

d) Khi tiếp nhận các vật liệu và thiết bị do Chủ đầu tư cung cấp, nhà thầu phải kiểm tra, đo đếm khối lượng và chất lượng hàng hóa được giao và nếu phát hiện có sai sót, mất mát hay hư hỏng nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ bổ sung, sửa chữa hoặc thay thế các hàng hóa đó. Sau khi đã kiểm tra và nhận hàng, việc bảo quản và kiểm soát quản lý các VTTB sẽ do nhà thầu chịu trách nhiệm.

e) Nhà thầu chịu trách nhiệm về chi phí vận chuyển các vật liệu và thiết bị do Chủ đầu tư cung cấp từ kho Chủ đầu tư đến công trường hoặc kho bên B, bảo quản và kiểm soát trong quá trình thi công. Mọi mất mát hư hỏng trong các quá trình vận chuyển bảo quản, thi công này Nhà thầu chịu trách nhiệm.

f) Các loại vật tư thiết bị Công ty Điện lực cấp theo chương V của E-HSMT. Nhận tại kho Công ty Điện lực Đồng Tháp (đường Phù Đổng, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp) hoặc tại trụ sở Trung tâm Thí nghiệm điện (QL30, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp).

g) Bàn giao vật tư thừa không sử dụng hết cho công trình và vật tư tháo dỡ thu hồi: tại kho Công ty Điện lực Đồng Tháp (đường Phù Đổng, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp) hoặc tại trụ sở Trung tâm Thí nghiệm điện (QL30, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp). Riêng phần trụ BTLT và đà cản, đế neo thuộc công trình trên địa bàn Phường, xã nào thì giao tại đại điểm thuộc địa bàn Đội Quản lý điện nơi đó quản lý.

6. Vật tư thiết bị do bên B cấp:

a) Các vật tư và phụ kiện do nhà thầu cấp đã được liệt kê trong hồ sơ mời thầu và phải tuân thủ theo đúng các tiêu chuẩn đặc tính kỹ thuật trong hồ sơ mời thầu.

b) Các vật tư - phụ kiện phải xuất trình và đính kèm đầy đủ các phiếu xuất xưởng của nhà cung cấp và phiếu thử nghiệm của cơ quan chức năng trước khi lắp đặt.

c) Tất cả các loại vật tư - phụ kiện; trước khi lắp đặt phải thông báo cho Đơn vị TVGS, Đơn vị QLDA kiểm tra và nghiệm thu đạt yêu cầu mới được thi công.

d) Bên B thi công lắp đặt đúng loại vật tư thiết bị đã đăng ký với Bên A. Nếu có thay đổi nhãn hiệu, vật tư thiết bị (tính năng và chất lượng tối thiểu phải tương đương với nhãn hiệu đã đăng ký), Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A để được chấp thuận trước khi thi công, lắp đặt.

e) Khi tập kết vật tư B cấp tại công trường hoặc xuất kho từ kho bãi tại công trường để thi công, lắp đặt Bên B phải thông báo cho Đơn vị TVGS, Đơn vị QLDA biết để tiến hành lập biên bản nghiệm thu trước khi đưa vào thi công lắp đặt, đồng thời cung cấp cho Đơn vị TVGS bản photo các phiếu chứng nhận xuất xứ hàng hóa, phiếu thử nghiệm xuất xưởng, phiếu thử nghiệm của cơ quan chức năng. Nhà thầu phải đưa bản chính, bản sao y của đơn vị phát hành hoặc bản có công chứng của các tài liệu này vào 01 bộ trong bộ hồ sơ thanh quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành của từng đợt tương ứng để gửi cho Đơn vị QLDA. Nhà thầu không được phép đưa vật tư vào thi công khi chưa có sự chấp thuận của Đơn vị TVGS.

7. Bồi thường khi xảy ra hư hỏng, mất mát vật tư:

a) Trường hợp Bên B làm hư hỏng, mất mát VT-TB do Điện lực cấp (kể cả vật tư, thiết bị mới và cũ nếu có) thì phải bồi thường bằng vật tư - thiết bị mới 100% hoặc bằng tiền theo giá vật tư của thị trường tại thời điểm bồi thường.

b) Giá trị bồi thường là giá VT-TB trên thị trường tại thời điểm bồi thường cộng thêm 10% cho các chi phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi,... mà chủ đầu tư đã chi trả khi mua hàng.

c) Giá VT-TB của thị trường tại thời điểm bồi thường là giá cao nhất trong các giá sau:

- Báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất sản phẩm bị mất.
- Thông báo hoặc công bố giá của Nhà nước.

8. Lập Dự toán phát sinh:

a) Khối lượng phát sinh theo từng đợt thanh toán Bên B phải lập dự toán phát sinh có xác nhận của các bên liên quan và được Bên A phê duyệt trước khi lập thủ tục quyết toán công trình. Về đơn giá cho các khối lượng phát sinh sẽ được lập theo quy định của hợp đồng về điều chỉnh giá hợp đồng.

9. Kiểm điểm công tác định kỳ:

a) Bên B lập báo cáo công tác định kỳ gửi cho Bên A và đơn vị Đơn vị TVGS theo mẫu và lịch trình cụ thể sẽ thống nhất sau.

b) Bên A sẽ tổ chức những phiên họp kiểm điểm khối lượng thực hiện tối thiểu 15 ngày/lần. Bên B phải lập báo cáo về tình hình thực hiện công trình có lũy kế, nêu rõ những vướng mắc khó khăn và các kiến nghị để phục vụ cho phiên họp kiểm điểm này.

10. Công tác giám sát và nghiệm thu công trình:

a) Bên B thực hiện công tác nghiệm thu nội bộ, phối hợp với Tư vấn giám sát nghiệm thu vật tư thiết bị, công việc, giai đoạn chuyên bước thi công và thực hiện ghi nhật ký công trình kịp thời ngay tại công trường trong suốt quá trình thi công, công tác quản lý chất lượng thi công công trình thực hiện theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015.

b) Các công đoạn chủ yếu trong thi công bao gồm các công trình ngầm, gia công lắp đặt cốt thép, đổ bê tông, dựng trụ bước chuyển giai đoạn thi công, các hạng mục công trình,... Đơn vị giám sát thi công của Bên B chụp hình lưu dữ liệu để phục vụ công tác kiểm tra thanh quyết toán.

c) Các hồ sơ liên quan đến công tác thi công (Phương án thi công, kế hoạch an toàn thi công, bảng tiến độ thi công, các quyết định, bản vẽ...) phải được nhà thầu scan và lưu vào hộp thư điện tử trên phần mềm IMIS 2.0 của chủ đầu tư.

d) Quản lý và thực hiện nhật ký thi công điện tử, biên bản nghiệm thu công việc điện tử theo quy định tại Quyết định số 631/QĐ-EVN ngày 20/4/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định triển khai nhật ký thi công điện tử và biên bản nghiệm thu điện tử trên phần mềm Quản lý Đầu tư Xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam. (Nhà thầu tự trang bị, đăng ký sim CA cho giám sát B để ký số nhật ký thi công điện tử, biên bản nghiệm thu công việc điện tử).

e) Thực hiện xây dựng và quản lý tiến độ dự án bằng phần mềm Microsoft Project theo yêu cầu và hướng dẫn của Tổng công ty Điện lực miền Nam.

11. Số lần cắt điện dự kiến để thi công & đấu nối cho toàn bộ gói thầu:

- Nhà thầu phối hợp với Đơn vị TVGS, Đơn vị QLDA và Điện lực đi khảo sát thực tế từng hạng mục để có phương án thi công đồng thời tất cả các nhánh rẽ thuộc một phân đoạn và/ hoặc thi công tất cả các trạm thuộc nhánh rẽ hay phân đoạn để hạn chế số lần cắt điện và thời gian mất điện.

- Trường hợp thi công không hết khối lượng dẫn đến phát sinh số lần cắt điện so với phương án được duyệt hoặc thi công trả điện trễ mà do lỗi chủ quan của nhà thầu (có biên bản) thì Công ty Điện lực Đồng Tháp sẽ xem xét về năng lực của nhà thầu cho những lần đấu thầu tiếp theo do Công ty Điện lực Đồng Tháp tổ chức.

12. Điều kiện nghiệm thu:

- Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu từng công việc xây dựng, từng bộ phận công trình xây dựng; Giai đoạn thi công xây dựng; Từng hạng mục công trình xây dựng; Công trình xây dựng đưa vào sử dụng. Đối với các bộ phận bị che khuất của công trình phải được nghiệm thu và vẽ bản hoàn công trước khi tiến hành các công việc tiếp theo.

- Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo qui định. (Biên bản nghiệm thu công việc, giai đoạn; hình ảnh thi công; Kết quả thử nghiệm).

- Công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo các yêu cầu thiết kế, chất lượng kỹ thuật và mỹ thuật, các thông số kỹ thuật đạt các tiêu chuẩn theo quy định và khắc phục xong các tồn tại theo yêu cầu Bên A.

- Nhà thầu phải chuẩn bị hoàn tất các bản vẽ hoàn công và khối lượng xây lắp hoàn thành để phục vụ cho công tác nghiệm thu và gửi đầy đủ hồ sơ cho Chủ đầu tư trước khi mời nghiệm thu hoàn thành công trình. Trường hợp Nhà thầu đã thi công hoàn thành toàn bộ khối lượng trên công trường mà chưa lập các thủ tục như đã nêu để nghiệm thu thì khoản

thời gian chậm trễ do làm thủ tục này được xem là chậm trễ thời gian thi công thì Nhà thầu sẽ chịu phạt theo điều khoản trễ tiến độ. Ngoài ra, nhà thầu sẽ chịu ảnh hưởng do việc đánh giá chất lượng nhà thầu theo quy định của EVN thông qua phần mềm Quản lý đầu tư xây dựng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

13. Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng:

- Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đưa vào sử dụng: Các biên bản nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu bộ phận (hạng mục) công trình, các biên bản thí nghiệm đo đạc, bản vẽ hoàn công và các văn bản chấp thuận của cấp thẩm quyền về việc xử lý thiết kế.

- Công trình phải đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng.

- Sau khi kiểm tra hiện trường và kiểm tra các tài liệu, hồ sơ liên quan đến nghiệm thu công trình có xác nhận của Đơn vị TVGS do Bên B đệ trình. Bên A sẽ tổ chức nghiệm thu với các thành phần được ghi trong Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu và lập biên bản nghiệm thu theo mẫu quy định hiện hành.

- Đối với các công việc nhà thầu phải thi công đầu nối nhánh rẽ, cân pha nhánh rẽ khách hàng thì thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị quản lý vận hành để đóng điện trong ngày ngay sau khi hoàn thành đưa vào khai thác hiệu quả.

- Ngoài ra, khi nhà thầu thực hiện công việc theo hợp đồng mà làm nghiêng, ngã trụ, thì nhà thầu phải chỉnh sửa lại các trụ đó./.